

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC KẠN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2025/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 24 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 02/2018/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ trợ giúp xã hội;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn như sau:

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ chăm sóc đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp tại Phụ lục I, ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ chăm sóc dài hạn cho đối tượng bảo trợ xã hội tại Phụ lục II, ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Điều 1 Quyết định này làm cơ sở để xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này nếu được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 02 năm 2025

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ LĐTBXH;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- UBND các huyện, thành phố;
- LDVP;
- TT Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VXVN, TH, NCPC (Hòa).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bình
Nguyễn Đăng Bình

Phụ lục I

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ CHĂM SÓC
ĐỐI TƯỢNG CẦN SỰ BẢO VỆ KHẨN CẤP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 02/2025/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng định mức
I	Chi phí trực tiếp		
1	Sơ cấp cứu và chăm sóc sức khỏe ban đầu	1	
a)	Khám sức khỏe ban đầu gồm: Đo nhịp tim, huyết áp, kiểm tra tai, mũi, họng, đo nhiệt độ... (theo quy định của Bộ Y tế)	Lần/đối tượng	1
b)	Sơ cấp cứu ban đầu cho đối tượng có yêu cầu (theo quy định của Bộ Y tế)	Lần/đối tượng	1
-	Điều trị thông thường phù hợp độ tuổi, giới tính, bệnh tật của đối tượng (nếu có)	Lượt điều trị	Hàng ngày
2	Thực phẩm, thức ăn hàng ngày	K1/đối tượng/ngày	2.000
		Bữa/ngày	3
3	Quần áo và các vật dụng sinh hoạt thiết yếu	Bộ/ đối tượng	1
4	Hỗ trợ trị liệu, phục hồi thể chất tâm lý cho những đối tượng có yêu cầu	Lượt đối tượng/ngày	1
5	Văn phòng phẩm		
-	Giấy A4	Gram/10 đối tượng /6 tháng	1
-	Bút bi	Cái/10 đối tượng/tháng	1
-	Ghim dập 24 x 6	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim dập bé	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim vòng	Hộp/10 đối tượng/tháng	1

-	Máy dập ghim nhỏ	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Máy in	Cái/20 đối tượng/5 năm	1
-	Mực in	Hộp mực/10 đối tượng/năm	1
-	Cartridge mực	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Sổ ghi chép	Quyển/10 đối tượng/năm	1
-	Hồ dán	Lọ/10 đối tượng/3 tháng	1
-	Kẹp file hồ sơ đối tượng	Cái/10 đối tượng/năm	1
6	Điện, nước, xử lý chất thải		
-	Điện	Kwh/5 đối tượng/tháng	300
-	Nước sạch	m ³ /5 đối tượng/tháng	10
-	Xử lý rác thải	Kg/đối tượng/tháng	2
-	Chi phí giặt, hấp và khử khuẩn quần áo, khử khuẩn máy, rác thải, chất thải	Ca	1
-	Phun diệt côn trùng	Lần/năm	2
II	Chi phí tiền lương		
1	Định mức nhân công		
a)	Nhân viên tâm lý, tư vấn, tham vấn	Nhân viên/cơ sở	1
b)	Nhân viên chăm sóc trực tiếp người tâm thần đặc biệt nặng	Nhân viên/10 đối tượng	1

c)	Cán bộ, nhân viên y tế phụ trách chăm sóc sức khỏe cho đối tượng	Nhân viên/50 đối tượng	1
d)	Cán bộ phụ trách dinh dưỡng bao gồm tiếp phẩm, nấu ăn	Nhân viên/20 đối tượng	1
2	Định mức hệ số lương, phụ cấp chức vụ bình quân		
-	Hệ số lương, phụ cấp chức vụ		3.5
-	Phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 4/7/2011 của Chính phủ; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ; Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 6/4/2016 của Chính phủ		1.96
-	Phụ cấp khu vực		0,3
-	Phụ cấp độc hại bình quân		0,2
-	Phụ cấp trực	Ngày	90
III	Chi phí quản lý		
-	Cán bộ, nhân viên làm gián tiếp (kế toán, hành chính - tổng hợp, quản trị, thủ quỹ, văn thư, lái xe, bảo vệ)	Cán bộ, nhân viên gián tiếp/ tổng số cán bộ, nhân viên cơ sở	20% số cán bộ, nhân viên
-	Cán bộ quản lý (Ban giám đốc, trưởng phòng, phó phòng)	Cán bộ, nhân viên	Số lượng theo thực tế
IV	Chi phí khấu hao tài sản cố định		
-	Chi phí khấu hao tài sản cố định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về khấu hao tài sản cố định		
-	Chỗ ở tạm thời dưới 3 tháng: Thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội		

Phụ lục II

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ CHĂM SÓC DÀI HẠN
CHO ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 02/2025/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

I. TRẺ EM DƯỚI 18 THÁNG TUỔI

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng định mức
I	Chi phí trực tiếp		
1	Thức ăn, quần áo và các vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
a)	Thực phẩm, thức ăn hàng ngày		
-	Ít nhất ba bữa ăn: Sáng, trưa và tối mỗi ngày; đảm bảo dinh dưỡng đủ calo, có chất đạm	KL/đối tượng/ngày	2.000
		Bữa/ngày	3
-	Chế độ dinh dưỡng đặc biệt cho đối tượng có nhu cầu đặc biệt như trẻ sơ sinh, trẻ khuyết tật, trẻ nhiễm HIV, trẻ bị ốm hoặc suy dinh dưỡng	KL/đối tượng/ngày	2.000
-	Chế độ ăn ngày lễ, tết Dương lịch	Ngày/đối tượng	6
-	Chế độ ăn ngày tết Nguyên Đán	Ngày/đối tượng	5
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ nấu ăn	Bộ/cơ sở	1
b)	Quần áo và tất chân		
-	Quần áo mùa đông	Bộ/đối tượng/năm	10
-	Quần áo mùa hè	Bộ/đối tượng/năm	10
-	Mũ che thóp	Cái/đối tượng/năm	5
-	Tất chân	Đôi/đối tượng/năm	10
-	Yếm đeo cổ	Cái/đối tượng/năm	8
c)	Vệ sinh và vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
-	Cung cấp đầy đủ nước uống sạch	Lít/đối tượng/ngày	2

-	Cung cấp nước bảo đảm vệ sinh tắm, giặt hàng ngày	Lít/đổi tượng/ngày	20
-	Cung cấp đồ dùng vệ sinh cá nhân gồm:		
	Khăn tắm, khăn ni ử sơ sinh, gạc rơ lưỡi, nước xà phòng giặt, sữa tắm, dầu gội, khăn khô đa năng,	Bộ/đổi tượng/quý	1
	Khăn sữa	Cái/đổi tượng/quý	5
	Nước muối sinh lý	Lọ/đổi tượng/quý	3
	Bỉm trẻ em	Miếng/đổi tượng/quý	360
	Tấm bông ngoáy tai	Hộp/đổi tượng/quý	1
	Nước rửa bình sữa	Chai/đổi tượng/quý	1
	Móc phơi đồ	Cái/đổi tượng/năm	20
	Bình sữa, cây vệ sinh bình sữa, bấm móng tay...	Cái/đổi tượng/năm	1
	Ti giả, núm bình sữa	Cái/đổi tượng/năm	2
	Chậu tắm	Cái/3 đổi tượng/năm	1
	Máy sấy tóc, tông đơ	Cái/10 đổi tượng/năm	1
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ vệ sinh phòng ở gồm:		
	Cây lau nhà, chổi quét nhà, chổi nhựa, bàn chải, bàn chải cọ bồn cầu.....	Cái/3 đổi tượng/năm	1
	Nước lau sàn	Chai/2 đổi tượng/năm	1
	Nước tẩy bồn cầu	Chai/đổi tượng/năm	1
d)	Cung cấp đồ dùng phục vụ việc ngủ gồm:		
-	Nôi điện	Chiếc/đổi tượng/3 năm	1
-	Cũi	Chiếc/đổi tượng/3 năm	1
-	Gối, màn, chiếu	Bộ/đổi tượng/năm	1
-	Đệm, chăn đông	Bộ/đổi tượng/3năm	1
-	Ga vải, ga chống thấm	Bộ/đổi tượng/năm	1
-	Chăn hè	Cái/đổi tượng/3năm	1

-	Giường nằm	Chiếc/đối tượng/5năm	1
2	Chăm sóc Y tế		
-	Trang thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp, tủ thuốc bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu khi cần thiết	Bộ/cơ sở	1
-	Mở sổ theo dõi sức khỏe	Sổ/đối tượng/năm	1
-	Kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng và hàng năm cho đối tượng	Lượt/đối tượng/năm	2
-	Điều trị thông thường phù hợp độ tuổi, giới tính, bệnh tật của đối tượng (nếu có)	Lượt điều trị	Hàng ngày
3	Văn phòng phẩm		
-	Giấy A4	Gram/10 đối tượng /6 tháng	1
-	Bút bi	Cái/10 đối tượng/tháng	1
-	Ghim dập 24 x 6	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim dập bé	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim vòng	Hộp/10 đối tượng/tháng	1
-	Máy dập ghim nhỏ	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Máy in	Cái/20 đối tượng/5 năm	1
-	Mực in	Hộp mực/10 đối tượng/năm	1
-	Cartridge mực	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Sổ ghi chép	Quyển/10 đối tượng/năm	1
-	Hồ dán	Lọ/10 đối tượng/3 tháng	1
-	Kẹp file hồ sơ đối tượng	Cái/10 đối tượng/năm	1
4	Điện, nước, xử lý chất thải		
-	Điện	Kwh/5 đối tượng/tháng	300
-	Nước sạch	m ³ /5 đối tượng/tháng	10
-	Xử lý rác thải	Kg/đối tượng/tháng	2

-	Chi phí giặt, hấp và khử khuẩn quần áo, khử khuẩn máy, rác thải, chất thải	Ca	1
-	Phun diệt côn trùng, khử khuẩn	Lần/năm	2
II	Chi phí tiền lương		
1	Định mức nhân công		
a)	Nhân viên tâm lý, tư vấn, tham vấn	Nhân viên/cơ sở	1
b)	Nhân viên chăm sóc trực tiếp trẻ em dưới 18 tháng tuổi	Nhân viên/3 trẻ em	1
c)	Cán bộ, nhân viên y tế phụ trách chăm sóc sức khỏe cho đối tượng	Nhân viên/50 đối tượng	1
d)	Cán bộ phụ trách dinh dưỡng bao gồm tiếp phẩm, nấu ăn	Nhân viên/20 đối tượng	1
2	Định mức hệ số lương, phụ cấp bình quân		
-	Hệ số lương, phụ cấp chức vụ		3.5
-	Phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 4/7/2011 của Chính phủ; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ; Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 6/4/2016 của Chính phủ		1.96
-	Phụ cấp khu vực		0,3
-	Phụ cấp độc hại bình quân		0,2
-	Phụ cấp trực	Ngày	365
III	Chi phí quản lý		
-	Cán bộ, nhân viên làm gián tiếp (kế toán, hành chính - tổng hợp, quản trị, thủ quỹ, văn thư, lái xe, bảo vệ)	Cán bộ, nhân viên gián tiếp/tổng số cán bộ, nhân viên cơ sở	20% số cán bộ, nhân viên
-	Cán bộ quản lý (Ban giám đốc, trưởng phòng, phó phòng)	Cán bộ, nhân viên	Số lượng theo thực tế
IV	Chi phí khấu hao tài sản cố định		
-	Chi phí khấu hao tài sản cố định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về khấu hao tài sản cố định		

-	Cung cấp chỗ ở: Thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội		
---	--	--	--

II. TRẺ EM BÌNH THƯỜNG TỪ 18 THÁNG TUỔI ĐẾN DƯỚI 4 TUỔI

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng định mức
I	Chi phí trực tiếp		
1	Thức ăn, quần áo và các vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
a)	Thực phẩm, thức ăn hàng ngày		
-	Ít nhất ba bữa ăn: Sáng, trưa và tối mỗi ngày; đảm bảo dinh dưỡng đủ calo, có chất đạm	KL/đối tượng/ngày	2.000
		Bữa/ngày	3
-	Chế độ dinh dưỡng đặc biệt cho đối tượng có nhu cầu đặc biệt như trẻ sơ sinh, trẻ khuyết tật, trẻ nhiễm HIV, trẻ bị ốm hoặc suy dinh dưỡng	KL/đối tượng/ngày	2.000
-	Chế độ ăn ngày lễ, tết Dương lịch	Ngày/đối tượng	6
-	Chế độ ăn ngày tết Nguyên Đán	Ngày/đối tượng	5
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ nấu ăn	Bộ/cơ sở	1
b)	Quần áo		
-	Quần áo đồng phục đi học (đối với trẻ em trong độ tuổi đi học); Giày/dép và tất	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Quần áo lót	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Quần áo mùa đông	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Quần áo mùa hè	Bộ/đối tượng/năm	2
c)	Vệ sinh và vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
-	Cung cấp đầy đủ nước uống sạch	Lít/đối tượng/ngày	2
-	Cung cấp nước bảo đảm vệ sinh tắm, giặt hàng ngày	Lít/đối tượng/ngày	20
-	Cung cấp đồ dùng vệ sinh cá nhân gồm:		

	Xà phòng tắm, xà phòng giặt, khăn mặt, khăn tắm, kem đánh răng, bàn chải đánh răng, dầu gội, giấy vệ sinh, tăm bông ngoáy tai...	Bộ/đôi tượng/quý	1
	Giấy vệ sinh	Bịch/ đôi tượng/ quý	1,5
	Bỉm trẻ em	Miếng/đôi tượng/quý	180
	Máy sấy tóc, tông đơ	Cái/10 đôi tượng/năm	1
	Bấm móng tay	Cái/ đôi tượng/năm	1
	Lược nhựa loại to	Cái/ 5 đôi tượng/năm	1
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ vệ sinh phòng ở gồm:		
	Cây lau nhà, chổi quét nhà, chổi nhựa, bàn chải, bàn chải cọ bồn cầu.....	Cái/3 đôi tượng/năm	1
	Nước lau sàn	Chai/2 đôi tượng/năm	1
	Nước tẩy bồn cầu	Chai/ đôi tượng/năm	1
d)	Cung cấp đồ dùng phục vụ việc ngủ gồm:		
-	Gối, màn, chiếu	Bộ/đôi tượng/năm	1
-	Đệm, chăn đông	Bộ/đôi tượng/3năm	1
-	Ga vải, ga chống thấm	Bộ/đôi tượng/năm	1
-	Chăn hè	Cái/đôi tượng/3năm	1
-	Giường nằm	Chiếc/đôi tượng/5năm	1
2	Hỗ trợ đối tượng về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ khi đối tượng kết thúc đợt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lần/lượt đối tượng	1
3	Về giáo dục, học nghề và dạy kỹ năng sống cho đối tượng có yêu cầu		
a)	Bảo đảm phổ cập giáo dục theo quy định của Luật Giáo dục: Gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên	Kỳ học/đôi tượng	2
b)	Giáo dục về đạo đức xã hội, vệ sinh, kiến thức phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS, sức khỏe sinh sản và các chủ đề khác phù hợp với độ tuổi và giới tính	Buổi/lượt đối tượng/năm	3
c)	Cung cấp sách vở, tài liệu và bàn ghế học tập và nơi học tập cho đối tượng	Bộ/lượt đối tượng/năm	1

d)	Dạy kỹ năng sống	Buổi/lượt đối tượng/năm	3
4	Về văn hóa, thể thao và giải trí		
a)	Về văn hóa		
	Học văn hóa truyền thống dân tộc, quyền tự do về tôn giáo, tín ngưỡng trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam	Lượt/đối tượng/năm	3
b)	Về thể thao, vui chơi, giải trí		
	Tham gia các sự kiện, hoạt động thể thao (phù hợp với lứa tuổi và điều kiện sức khỏe)	Lượt/đối tượng/tuần	1
5	Chăm sóc Y tế		
a)	Trang thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp, thuốc bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu khi cần thiết	Bộ/cơ sở	1
b)	Mở sổ theo dõi sức khỏe	Sổ/đối tượng/năm	1
c)	Kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng và hàng năm cho đối tượng	Lượt/đối tượng/năm	2
d)	Điều trị thông thường phù hợp độ tuổi, giới tính, bệnh tật của đối tượng (nếu có)	Lượt điều trị	Hằng ngày
6	Tư vấn, trợ giúp đối tượng trở về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ tư vấn, trợ giúp khi đối tượng kết thúc đợt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lượt/đối tượng	1
7	Văn phòng phẩm		
-	Giấy A4	Gram/10 đối tượng /6 tháng	1
-	Bút bi	Cái/10 đối tượng/tháng	1
-	Ghim dập 24 x 6	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim dập bé	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim vòng	Hộp/10 đối tượng/tháng	1
-	Máy dập ghim nhỏ	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Máy in	Cái/20 đối tượng/5 năm	1

-	Mực in	Hộp mực/10 đối tượng/năm	1
-	Cartride mực	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Sổ ghi chép	Quyển/10 đối tượng/năm	1
-	Hồ dán	Lọ/10 đối tượng/3 tháng	1
-	Kẹp file hồ sơ đối tượng	Cái/10 đối tượng/năm	1
8	Điện, nước, xử lý chất thải		
-	Điện	Kwh/5 đối tượng/tháng	300
-	Nước sạch	m ³ /5 đối tượng/tháng	10
-	Xử lý rác thải	Kg/đối tượng/tháng	2
-	Chi phí giặt, hấp và khử khuẩn quần áo, khử khuẩn máy, rác thải, chất thải	Ca	1
-	Phun diệt côn trùng	Lần/năm	2
II	Chi phí tiền lương		
1	Định mức nhân công		
a)	Nhân viên công tác xã hội quản lý trường hợp tại cộng đồng	Nhân viên/100 đối tượng	1
b)	Nhân viên tâm lý, tư vấn, tham vấn	Nhân viên/cơ sở	1
c)	Nhân viên chăm sóc trực tiếp trẻ em bình thường từ 18 tháng tuổi đến dưới 6 tuổi	Nhân viên/6 trẻ em	1
d)	Cán bộ, nhân viên y tế phụ trách chăm sóc sức khỏe cho đối tượng	Nhân viên/50 đối tượng	1
đ)	Cán bộ phụ trách dinh dưỡng bao gồm tiếp phẩm, nấu ăn	Nhân viên/20 đối tượng	1
2	Định mức hệ số lương, phụ cấp bình quân		
-	Hệ số lương, phụ cấp chức vụ		3.5
-	Phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 4/7/2011 của Chính phủ; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ; Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 6/4/2016 của Chính phủ		1.96
-	Phụ cấp khu vực		0,3

-	Phụ cấp độc hại bình quân		0,2
-	Phụ cấp trực	Ngày	365
III	Chi phí quản lý		
-	Cán bộ, nhân viên làm gián tiếp (kế toán, hành chính - tổng hợp, quản trị, thủ quỹ, văn thư, lái xe, bảo vệ)	Cán bộ, nhân viên gián tiếp/tổng số cán bộ, nhân viên cơ sở	20% số cán bộ, nhân viên
-	Cán bộ quản lý (Ban giám đốc, trưởng phòng, phó phòng)	Cán bộ, nhân viên	Số lượng theo thực tế
IV	Chi phí khấu hao tài sản cố định		
-	Chi phí khấu hao tài sản cố định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về khấu hao tài sản cố định		
-	Cung cấp chỗ ở: Thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội		

III. TRẺ EM BÌNH THƯỜNG TỪ 4 TUỔI ĐẾN DƯỚI 6 TUỔI

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng định mức
I	Chi phí trực tiếp		
1	Thức ăn, quần áo và các vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
a)	Thực phẩm, thức ăn hàng ngày		
-	Ít nhất ba bữa ăn: Sáng, trưa và tối mỗi ngày; đảm bảo dinh dưỡng đủ calo, có chất đạm	KL/đối tượng/ngày Bữa/ngày	2.000 3
-	Chế độ dinh dưỡng đặc biệt cho đối tượng có nhu cầu đặc biệt như trẻ sơ sinh, trẻ khuyết tật, trẻ nhiễm HIV, trẻ bị ốm hoặc suy dinh dưỡng	KL/đối tượng/ngày	2000
-	Chế độ ăn ngày lễ, tết Dương lịch	Ngày/đối tượng	6
-	Chế độ ăn ngày tết Nguyên Đán	Ngày/đối tượng	5
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ nấu ăn	Bộ/cơ sở	1
b)	Quần áo		

-	Quần áo đồng phục đi học (đối với trẻ em trong độ tuổi đi học); Giày/ dép và tất	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Giày trẻ em	Đôi/đối tượng/năm	1
-	Quần áo lót	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Quần áo mùa đông	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Quần áo mùa hè	Bộ/đối tượng/năm	2
c)	Vệ sinh và vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
-	Nước uống sạch	Lít/đối tượng/ ngày	2
-	Nước bảo đảm vệ sinh tắm, giặt hàng ngày	Lít/đối tượng/ ngày	20
-	Cung cấp đồ dùng vệ sinh cá nhân gồm:		
	Xà phòng tắm, xà phòng giặt, khăn mặt, khăn tắm, kem đánh răng, bàn chải đánh răng, dầu gội, giấy vệ sinh, tăm bông ngoáy tai...	Bộ/đối tượng/quý	1
	Giấy vệ sinh	Bịch/đối tượng/quý	1,5
	Bỉm trẻ em	Miếng/đối tượng/quý	180
	Máy sấy tóc, tông đơ	Cái/10 đối tượng/năm	1
	Bấm móng tay	Cái/đối tượng/năm	1
	Lược nhựa loại to	Cái/5 đối tượng/năm	1
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ vệ sinh phòng ở gồm:		
	Cây lau nhà, chổi quét nhà, chổi nhựa, bàn chải, bàn chải cọ bồn cầu.....	Cái/3 đối tượng/năm	1
	Nước lau sàn	Chai/2 đối tượng/năm	1
	Nước tẩy bồn cầu	Chai/ đối tượng/năm	1
d)	Cung cấp đồ dùng phục vụ việc ngủ gồm:		
-	Gối, màn, chiếu	Bộ/đối tượng/năm	1
-	Đệm, chăn đông,	Bộ/đối tượng/3năm	1
-	Ga vải, ga chống thấm	Bộ/đối tượng/năm	1
-	Chăn hè	Cái/đối tượng/3 năm	1
-	Giường nằm	Chiếc/đối tượng/5năm	1

2	Hỗ trợ đối tượng về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ khi đối tượng kết thúc đợt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lần/lượt đối tượng	1
3	Về giáo dục, học nghề và dạy kỹ năng sống cho đối tượng có yêu cầu		
a)	Bảo đảm phổ cập giáo dục theo quy định của Luật Giáo dục: Gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên	Kỳ học/đối tượng	2
b)	Giáo dục về đạo đức xã hội, vệ sinh, kiến thức phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS, sức khỏe sinh sản và các chủ đề khác phù hợp với độ tuổi và giới tính	Buổi/lượt đối tượng/năm	3
c)	Cung cấp sách vở, tài liệu và bàn ghế học tập và nơi học tập cho đối tượng	Bộ/lượt đối tượng/năm	1
d)	Dạy kỹ năng sống	Buổi/lượt đối tượng/năm	3
4	Về văn hóa, thể thao và giải trí		
a)	Về văn hóa		
	Học văn hóa truyền thống dân tộc, quyền tự do về tôn giáo, tín ngưỡng trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam	Lượt/đối tượng/năm	3
b)	Về thể thao, vui chơi, giải trí		
	Tham gia các sự kiện, hoạt động thể thao (phù hợp với lứa tuổi và điều kiện sức khỏe)	Lượt/đối tượng/tuần	1
5	Chăm sóc Y tế		
a)	Trang thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp, thuốc bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu khi cần thiết	Bộ/cơ sở	1
b)	Mở sổ theo dõi sức khỏe	Sổ/đối tượng/năm	1
c)	Kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng và hàng năm cho đối tượng	Lượt/đối tượng/năm	2
d)	Điều trị thông thường phù hợp độ tuổi, giới tính, bệnh tật của đối tượng (nếu có)	Lượt điều trị	Hàng ngày
6	Tư vấn, trợ giúp đối tượng trở về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ tư vấn, trợ giúp khi đối tượng kết thúc đợt nuôi	Lượt/đối tượng	1

	dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)		
7	Văn phòng phẩm		
-	Giấy A4	Gram/10 đối tượng/6 tháng	1
-	Bút bi	Cái/10 đối tượng/tháng	1
-	Ghim dập 24 x 6	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim dập bé	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim vòng	Hộp/10 đối tượng/tháng	1
-	Máy dập ghim nhỏ	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Máy in	Cái/20 đối tượng/5 năm	1
-	Mực in	Hộp mực/10 đối tượng/năm	1
-	Cartridge mực	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Sổ ghi chép	Quyển/10 đối tượng/năm	1
-	Hồ dán	Lọ/10 đối tượng/3 tháng	1
-	Kẹp file hồ sơ đối tượng	Cái/10 đối tượng/năm	1
8	Điện, nước, xử lý chất thải		
-	Điện	Kwh/5 đối tượng/tháng	300
-	Nước	m ³ /5 đối tượng/tháng	10
-	Xử lý rác thải	Kg/đối tượng/tháng	2
-	Chi phí giặt, hấp và khử khuẩn quần áo, khử khuẩn máy, rác thải, chất thải	Ca	1
-	Phun diệt côn trùng	Lần/năm	2
II	Chi phí tiền lương		
1	Định mức nhân công		
a)	Nhân viên công tác xã hội quản lý trường hợp tại cộng đồng	Nhân viên/100 đối tượng	1
b)	Nhân viên tâm lý, tư vấn, tham vấn	Nhân viên/cơ sở	1

c)	Nhân viên chăm sóc trực tiếp trẻ em bình thường từ 18 tháng tuổi đến dưới 6 tuổi	Nhân viên/6 trẻ em	1
d)	Cán bộ, nhân viên y tế phụ trách chăm sóc sức khỏe cho đối tượng	Nhân viên/50 đối tượng	1
đ)	Cán bộ phụ trách dinh dưỡng bao gồm tiếp phẩm, nấu ăn	Nhân viên/20 đối tượng	1
2	Định mức hệ số lương, phụ cấp chức vụ bình quân		
-	Hệ số lương, phụ cấp chức vụ		3.5
-	Phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 4/7/2011 của Chính phủ; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ; Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 6/4/2016 của Chính phủ		1.96
-	Phụ cấp khu vực		0,3
-	Phụ cấp độc hại bình quân		0,2
-	Phụ cấp trực	Ngày	365
III	Chi phí quản lý		
-	Cán bộ, nhân viên làm gián tiếp (kế toán, hành chính - tổng hợp, quản trị, thủ quỹ, văn thư, lái xe, bảo vệ)	Cán bộ, nhân viên gián tiếp/ tổng số cán bộ, nhân viên cơ sở	20% số cán bộ, nhân viên
-	Cán bộ quản lý (Ban giám đốc, trưởng phòng, phó phòng)	Cán bộ, nhân viên	Số lượng theo thực tế
IV	Chi phí khấu hao tài sản cố định		
-	Chi phí khấu hao tài sản cố định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về khấu hao tài sản cố định		
-	Cung cấp chỗ ở: Thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội		

IV. TRẺ EM BÌNH THƯỜNG TỪ 6 TUỔI ĐẾN DƯỚI 16 TUỔI

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng định mức
I	Chi phí trực tiếp		
1	Thức ăn, quần áo và các vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
a)	Thực phẩm, thức ăn hàng ngày		
-	Ít nhất ba bữa ăn: Sáng, trưa và tối mỗi ngày; đảm bảo dinh dưỡng đủ calo, có chất đạm	KL/đối tượng/ngày	2.000
		Bữa/ngày	3
-	Chế độ ăn ngày lễ, tết Dương lịch	Ngày/đối tượng	6
-	Chế độ ăn ngày tết Nguyên Đán	Ngày/đối tượng	5
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ nấu ăn	Bộ/cơ sở	1
b)	Quần áo		
-	Quần áo đồng phục đi học (đối với trẻ em trong độ tuổi đi học); Giày/ dép và tất	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Quần áo lót	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Quần áo mùa đông	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Quần áo mùa hè	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Giày đi học, dép quai đi học	Đôi/đối tượng/năm	1
c)	Vệ sinh và vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
-	Cung cấp đầy đủ nước uống sạch	Lít/đối tượng/ngày	2
-	Cung cấp nước bảo đảm vệ sinh tắm, giặt hàng ngày	Lít/đối tượng/ngày	20
-	Cung cấp đồ dùng vệ sinh cá nhân gồm:		
	Xà phòng tắm, xà phòng giặt, khăn mặt, khăn tắm, kem đánh răng, bàn chải đánh răng, dầu gội, giấy vệ sinh, tăm bông ngoáy tai....	Bộ/đối tượng/quý	1
	Giấy vệ sinh	Bịch/đối tượng/quý	1,5
	Máy sấy tóc, tông đơ	Cái/10 đối tượng/năm	1

	Bấm móng tay	Cái/đối tượng/năm	1
	Lược nhựa loại to	Cái/5 đối tượng/năm	1
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ vệ sinh phòng ở gồm:		
	Cây lau nhà, chổi quét nhà, chổi nhựa, bàn chải, bàn chải cọ bồn cầu, chậu giặt, gáo múc nước.....	Cái/3 đối tượng/năm	1
	Nước lau sàn	Chai/2 đối tượng/năm	1
	Nước tẩy bồn cầu	Chai/ đối tượng/năm	1
	Cốc nhựa	Cái/đối tượng/năm	1
-	Bông băng, vệ sinh phụ nữ	Bộ/đối tượng/tháng	1
d)	Cung cấp đồ dùng phục vụ việc ngủ gồm		
-	Gối, màn, chiếu	Bộ/đối tượng/năm	1
-	Đệm, chăn đông	Bộ/đối tượng/3năm	1
-	Chăn hè	Cái/đối tượng/3năm	1
-	Ga vải, ga chống thấm	Bộ/đối tượng/năm	1
-	Giường nằm	Chiếc/đối tượng/5năm	1
2	Hỗ trợ đối tượng về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ khi đối tượng kết thúc đợt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lần/lượt đối tượng	1
3	Về giáo dục, học nghề và dạy kỹ năng sống cho đối tượng có yêu cầu		
a)	Bảo đảm phổ cập giáo dục theo quy định của Luật Giáo dục: Gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên	Kỳ học/đối tượng	2
b)	Giáo dục về đạo đức xã hội, vệ sinh, kiến thức phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS, sức khỏe sinh sản và các chủ đề khác phù hợp với độ tuổi và giới tính	Buổi/lượt đối tượng/năm	3
c)	Giáo dục về phương pháp tự phòng tránh buôn bán, lạm dụng bạo hành và bóc lột	Buổi/lượt đối tượng/năm	3
d)	Cung cấp sách vở, tài liệu và bàn ghế học tập và nơi học tập cho đối tượng	Bộ/lượt đối tượng/năm	1
đ)	Dạy kỹ năng sống	Buổi/lượt đối tượng/năm	3

e)	Tư vấn hướng nghiệp và lựa chọn học nghề cho đối tượng có yêu cầu	Lần/đối tượng/năm	1
4	Văn hóa, thể thao và giải trí		
a)	Về văn hóa		
-	Học văn hóa truyền thống dân tộc, quyền tự do về tôn giáo, tín ngưỡng trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam	Lượt/đối tượng/năm	3
b)	Thể thao, vui chơi, giải trí		
-	Tham gia các sự kiện, hoạt động thể thao (phù hợp với lứa tuổi và điều kiện sức khỏe)	Lượt/đối tượng/tuần	1
5	Chăm sóc Y tế		
a)	Trang thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp, thuốc bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu khi cần thiết	Bộ/cơ sở	1
b)	Mở sổ theo dõi sức khỏe	Sổ/đối tượng/năm	1
c)	Kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng và hàng năm cho đối tượng	Lượt/đối tượng/năm	2
d)	Điều trị thông thường phù hợp độ tuổi, giới tính, bệnh tật của đối tượng (nếu có)	Lượt điều trị	Hàng ngày
e)	Thẻ BHYT	Thẻ/đối tượng	1
6	Tư vấn, trợ giúp đối tượng trở về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ tư vấn, trợ giúp khi đối tượng kết thúc đợt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lượt/đối tượng	1
7	Văn phòng phẩm		
-	Giấy A4	Gram/10 đối tượng/6 tháng	1
-	Bút bi	Cái/10 đối tượng/tháng	1
-	Ghim dập 24 x 6	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim dập bé	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim vòng	Hộp/10 đối tượng/tháng	1
-	Máy dập ghim nhỏ	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Máy in	Cái/20 đối tượng/5 năm	1

-	Mực in	Hộp mực/10 đối tượng/năm	1
-	Cartridge mực	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Sổ ghi chép	Quyển/10 đối tượng/năm	1
-	Hồ dán	Lọ/10 đối tượng/3 tháng	1
-	Kẹp file hồ sơ đối tượng	Cái/10 đối tượng/năm	1
8	Điện, nước, xử lý chất thải		
-	Điện	Kwh/5 đối tượng/tháng	300
-	Nước sạch	m3/5 đối tượng/tháng	10
-	Xử lý rác thải	Kg/đối tượng/tháng	2
-	Chi phí giặt, hấp và khử khuẩn quần áo, khử khuẩn máy, rác thải, chất thải	Ca	1
-	Phun diệt côn trùng	Lần/năm	2
II	Chi phí tiền lương		
1	Định mức nhân công		
a)	Nhân viên tâm lý, tư vấn, tham vấn	Nhân viên/ cơ sở	1
b)	Nhân viên chăm sóc trực tiếp trẻ em bình thường từ 6 đến dưới 16 tuổi	Nhân viên/10 trẻ em	0
c)	Cán bộ, nhân viên y tế phụ trách chăm sóc sức khỏe cho đối tượng	Nhân viên/50 đối tượng	1
đ)	Cán bộ phụ trách dinh dưỡng bao gồm tiếp phẩm, nấu ăn	Nhân viên/20 đối tượng	1
e)	Cán bộ, nhân viên làm công tác dạy văn hóa, dạy nghề	Nhân viên/9 đối tượng	1
2	Định mức hệ số lương, phụ cấp chức vụ bình quân		
-	Hệ số lương, phụ cấp chức vụ		3.5
-	Phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 4/7/2011 của Chính phủ; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ; Nghị		1.96

	định số 26/2016/NĐ-CP ngày 6/4/2016 của Chính phủ		
-	Phụ cấp khu vực		0,3
-	Phụ cấp độc hại bình quân		0,2
-	Phụ cấp trực	Ngày	365
III	Chi phí quản lý		
-	Cán bộ, nhân viên làm gián tiếp (kế toán, hành chính - tổng hợp, quản trị, thủ quỹ, văn thư, lái xe, bảo vệ)	Cán bộ, nhân viên gián tiếp/tổng số cán bộ, nhân viên cơ sở	20% số cán bộ, nhân viên
-	Cán bộ quản lý (Ban giám đốc, trưởng phòng, phó phòng)	Cán bộ, nhân viên	Số lượng theo thực tế
IV	Chi phí khấu hao tài sản cố định		
-	Chi phí khấu hao tài sản cố định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về khấu hao tài sản cố định		
-	Cung cấp chỗ ở: Thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội		

V. TRẺ EM KHUYẾT TẬT; TÂM THẦN; NHIỄM HIV TỪ 18 THÁNG TUỔI ĐẾN DƯỚI 4 TUỔI

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng định mức
I	Chi phí trực tiếp		
1	Thức ăn, quần áo và các vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
a)	Thực phẩm, thức ăn hàng ngày		
-	Ít nhất ba bữa ăn: sáng, trưa và tối mỗi ngày; đảm bảo dinh dưỡng đủ calo, có chất đạm	KL/đối tượng/ngày	2.000
		Bữa/ngày	3
-	Chế độ dinh dưỡng đặc biệt cho đối tượng có nhu cầu đặc biệt như trẻ sơ sinh, trẻ khuyết tật, trẻ nhiễm HIV, trẻ bị ốm hoặc suy dinh dưỡng	KL/đối tượng/ngày	2 000
-	Chế độ ăn ngày lễ, tết Dương lịch	Ngày/đối tượng	6

-	Chế độ ăn ngày tết Nguyên Đán	Ngày/đối tượng	5
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ nấu ăn	Bộ/cơ sở	1
b)	Quần áo		
-	Quần áo đồng phục đi học (đối với trẻ em trong độ tuổi đi học), Giày/dép và tất	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Giày trẻ em	Đôi/đối tượng/năm	1
-	Quần áo lót	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Quần áo mùa đông	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Quần áo mùa hè	Bộ/đối tượng/năm	2
c)	Vệ sinh và vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
-	Nước uống sạch	Lít/đối tượng/ngày	2
-	Nước đảm bảo vệ sinh tắm giặt hàng ngày	Lít/đối tượng/ngày	20
-	Cung cấp đồ dùng vệ sinh cá nhân gồm:		
	Xà phòng tắm, xà phòng giặt, khăn mặt, khăn tắm, kem đánh răng, bàn chải đánh răng, dầu gội, giấy vệ sinh, tăm bông ngoáy tai...	Bộ/đối tượng/quý	1
	Giấy vệ sinh	Bịch/ đối tượng/ quý	1,5
	Bim trẻ em	Miếng/đối tượng/quý	180
	Máy sấy tóc, tông đơ	Cái/10 đối tượng/năm	1
	Bấm móng tay	Cái/đối tượng/năm	1
	Lược nhựa loại to	Cái/5 đối tượng/năm	1
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ vệ sinh phòng ở gồm:		
	Cây lau nhà, chổi quét nhà, chổi nhựa, bàn chải, bàn chải cọ bồn cầu.....	Cái/3 đối tượng/năm	1
	Nước lau sàn	Chai/2 đối tượng/năm	1
	Nước tẩy bồn cầu	Chai/đối tượng/năm	1
d)	Cung cấp đồ dùng phục vụ việc ngủ:		
-	Gối, màn, chiếu	Bộ/đối tượng/năm	1
-	Đệm, chăn đông	Bộ/đối tượng/3năm	1

-	Ga vải, ga chống thấm	Bộ/đối tượng/năm	1
-	Chăn hè	Cái/đối tượng/3năm	1
-	Giường nằm	Chiếc/đối tượng/5năm	1
2	Hỗ trợ đối tượng về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ khi đối tượng kết thúc đợt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lần/lượt đối tượng	1
3	Về giáo dục, học nghề và dạy kỹ năng sống cho đối tượng có yêu cầu		
a)	Bảo đảm phổ cập giáo dục theo quy định của Luật Giáo dục: Gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên	Kỳ học/đối tượng	2
b)	Giáo dục về đạo đức xã hội, vệ sinh, kiến thức phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS, sức khỏe sinh sản và các chủ đề khác phù hợp với độ tuổi và giới tính	Buổi/lượt đối tượng/năm	3
c)	Cung cấp sách vở, tài liệu và bàn ghế học tập và nơi học tập cho đối tượng	Bộ/lượt đối tượng/năm	1
d)	Dạy kỹ năng sống	Buổi/lượt đối tượng/năm	3
4	Vật lý trị liệu, lao động trị liệu, phục hồi chức năng cho đối tượng có nhu cầu	Lượt/đối tượng/ngày	1
5	Về văn hóa, thể thao và giải trí		
a)	Về văn hóa:		
	Học văn hóa truyền thống dân tộc, quyền tự do về tôn giáo, tín ngưỡng trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam	Lượt/đối tượng/năm	3
b)	Về thể thao, vui chơi, giải trí		
	Tham gia các sự kiện, hoạt động thể thao (phù hợp với lứa tuổi và điều kiện sức khỏe)	Lượt/đối tượng/tuần	1
6	Chăm sóc Y tế		
a)	Trang thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp, thuốc bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu khi cần thiết	Bộ/cơ sở	1
b)	Mở sổ theo dõi sức khỏe	Sổ/đối tượng/năm	1
c)	Kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng và hàng năm cho đối tượng	Lượt/đối tượng/năm	2

d)	Đối với cơ sở trợ giúp xã hội có nhiệm vụ phục hồi chức năng thì phải có trang thiết bị phục hồi chức năng	Bộ/cơ sở	1
đ)	Điều trị thông thường phù hợp độ tuổi, giới tính, bệnh tật của đối tượng (nếu có)	Lượt điều trị	Hằng ngày
7	Tư vấn, trợ giúp đối tượng trở về gia đình, cộng đồng	Lượt/đối tượng	1
8	Văn phòng phẩm		
-	Giấy A4	Gram/10 đối tượng/6 tháng	1
-	Bút bi	Cái/10 đối tượng/tháng	1
-	Ghim dập 24 x 6	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim dập bé	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim vòng	Hộp/10 đối tượng/tháng	1
-	Máy dập ghim nhỏ	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Máy in	Cái/20 đối tượng/5 năm	1
-	Mực in	Hộp mực/10 đối tượng/năm	1
-	Cartridge mực	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Sổ ghi chép	Quyển/10 đối tượng/năm	1
-	Hồ dán	Lọ/10 đối tượng/3 tháng	1
-	Kẹp file hồ sơ đối tượng	Cái/10 đối tượng/năm	1
9	Điện, nước, xử lý chất thải		
-	Điện	Kwh/5 đối tượng/tháng	300
-	Nước sạch	m ³ /5 đối tượng/tháng	10
-	Xử lý rác thải	Kg/đối tượng/tháng	2
-	Chi phí giặt, hấp và khử khuẩn quần áo, khử khuẩn máy, rác thải, chất thải	Ca	1
-	Phun diệt côn trùng	Lần/năm	2
II	Chi phí tiền lương		

1	Định mức nhân công		
a)	Nhân viên công tác xã hội quản lý trường hợp tại cộng đồng	Nhân viên/100 đối tượng	1
b)	Nhân viên tâm lý, tư vấn, tham vấn	Nhân viên/cơ sở	1
c)	Nhân viên chăm sóc trực tiếp trẻ em khuyết tật; tâm thần; nhiễm HIV từ 18 tháng tuổi đến dưới 6 tuổi	Nhân viên/4 trẻ em	1
d)	Cán bộ, nhân viên y tế phụ trách chăm sóc sức khỏe cho đối tượng	Nhân viên/50 đối tượng	1
đ)	Cán bộ phụ trách dinh dưỡng bao gồm tiếp phẩm, nấu ăn	Nhân viên/20 đối tượng	1
e)	Cán bộ nhân viên làm công tác phục hồi chức năng	Nhân viên/7 đối tượng	1
2	Định mức hệ số lương, phụ cấp chức vụ bình quân		
-	Hệ số lương, phụ cấp chức vụ		3.5
-	Phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 4/7/2011 của Chính phủ; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ; Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 6/4/2016 của Chính phủ		1.96
-	Phụ cấp khu vực		0,3
-	Phụ cấp độc hại bình quân		0,2
-	Phụ cấp trực	Ngày	365
III	Chi phí quản lý		
-	Cán bộ, nhân viên làm gián tiếp (kế toán, hành chính - tổng hợp, quản trị, thủ quỹ, văn thư, lái xe, bảo vệ)	Cán bộ, nhân viên gián tiếp/tổng số cán bộ, nhân viên cơ sở	20% số cán bộ, nhân viên
-	Cán bộ quản lý (Ban giám đốc, trưởng phòng, phó phòng)	Cán bộ, nhân viên	Số lượng theo thực tế
IV	Chi phí khấu hao tài sản cố định		
-	Chi phí khấu hao tài sản cố định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về khấu hao tài sản cố định		

-	Cung cấp chỗ ở: Thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội		
---	--	--	--

VI. TRẺ EM KHUYẾT TẬT; NGƯỜI KHUYẾT TẬT DẠNG THẦN KINH TÂM THẦN; NGƯỜI NHIỄM HIV TỪ 4 TUỔI ĐẾN DƯỚI 6 TUỔI

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng định mức
I	Chi phí trực tiếp		
1	Thức ăn, quần áo và các vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
a)	Thực phẩm, thức ăn hàng ngày		
-	Ít nhất ba bữa ăn: Sáng, trưa và tối mỗi ngày; đảm bảo dinh dưỡng đủ calo, có chất đạm	KL/đôi tượng/ngày	2.000
		Bữa/ngày	3
-	Chế độ dinh dưỡng đặc biệt cho đối tượng có nhu cầu đặc biệt như trẻ sơ sinh, trẻ khuyết tật, trẻ nhiễm HIV, trẻ bị ốm hoặc suy dinh dưỡng	KL/đôi tượng/ngày	2000
-	Chế độ ăn ngày lễ, tết Dương lịch	Ngày/đôi tượng	6
-	Chế độ ăn ngày tết Nguyên Đán	Ngày/đôi tượng	5
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ nấu ăn	Bộ/cơ sở	1
b)	Quần áo		
-	Quần áo đồng phục đi học (đối với trẻ em trong độ tuổi đi học); Giày/dép và tất	Bộ/đôi tượng/năm	2
-	Giày trẻ em	Đôi/đôi tượng/năm	1
-	Quần áo lót	Bộ/đôi tượng/năm	2
-	Quần áo mùa đông	Bộ/đôi tượng/năm	2
-	Quần áo mùa hè	Bộ/đôi tượng/năm	2
c)	Vệ sinh và vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
-	Nước uống sạch	Lít/đôi tượng/ngày	2
-	Nước đảm bảo vệ sinh tắm giặt hàng ngày	Lít/đôi tượng/ngày	20
-	Cung cấp đồ dùng vệ sinh cá nhân gồm:		

	Xà phòng tắm, xà phòng giặt, khăn mặt, khăn tắm, kem đánh răng, bàn chải đánh răng, dầu gội, giấy vệ sinh, tăm bông ngoáy tai...	Bộ/đối tượng/quý	1
	Giấy vệ sinh	Bịch/đối tượng/quý	1,5
	Bỉm trẻ em	Miếng/đối tượng/quý	180
	Máy sấy tóc, tông đơ	Cái/10 đối tượng/năm	1
	Bấm móng tay	Cái/đối tượng/năm	1
	Lược nhựa loại to	Cái/5 đối tượng/năm	1
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ vệ sinh phòng ở gồm:		
	Cây lau nhà, chổi quét nhà, chổi nhựa, bàn chải, bàn chải cọ bồn cầu.....	Cái/3 đối tượng/năm	1
	Nước lau sàn	Chai/2 đối tượng/năm	1
	Nước tẩy bồn cầu	Chai/đối tượng/năm	1
d)	Cung cấp đồ dùng phục vụ việc ngủ		
-	Gối, màn, chiếu	Bộ/đối tượng/năm	1
-	Đệm, chăn đông	Bộ/đối tượng/3năm	1
-	Ga vải, ga chống thấm,	Bộ/đối tượng/năm	1
-	Chăn hè	Cái/đối tượng/3năm	1
-	Giường nằm	Chiếc/đối tượng/5năm	1
2	Hỗ trợ đối tượng về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ khi đối tượng kết thúc lượt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lần/lượt đối tượng	1
3	Về giáo dục, học nghề và dạy kỹ năng sống cho đối tượng có yêu cầu		
a)	Bảo đảm phổ cập giáo dục theo quy định của Luật Giáo dục: Gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên	Kỳ học/đối tượng	2
b)	Giáo dục về đạo đức xã hội, vệ sinh, kiến thức phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS, sức khỏe sinh sản và các chủ đề khác phù hợp với độ tuổi và giới tính	Buổi/lượt đối tượng/năm	3
c)	Cung cấp sách vở, tài liệu và bàn ghế học tập và nơi học tập cho đối tượng	Bộ/lượt đối tượng/năm	1

d)	Dạy kỹ năng sống	Buổi/lượt đối tượng/năm	3
4	Vật lý trị liệu, lao động trị liệu, phục hồi chức năng cho đối tượng có nhu cầu	Lượt/đối tượng/ngày	1
5	Về văn hóa, thể thao và giải trí		
a)	Về văn hóa		
	Học văn hóa truyền thống dân tộc, quyền tự do về tôn giáo, tín ngưỡng trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam	Lượt/đối tượng/năm	3
b)	Về thể thao, vui chơi, giải trí		
	Tham gia các sự kiện, hoạt động thể thao (phù hợp với lứa tuổi và điều kiện sức khỏe)	Lượt/đối tượng/tuần	1
6	Chăm sóc Y tế		
a)	Trang thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp, thuốc bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu khi cần thiết	Bộ/cơ sở	1
b)	Mở sổ theo dõi sức khỏe	Sổ/đối tượng/năm	1
c)	Kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng và hàng năm cho đối tượng	Lượt/đối tượng/năm	2
d)	Đối với cơ sở trợ giúp xã hội có nhiệm vụ phục hồi chức năng thì phải có trang thiết bị phục hồi chức năng	Bộ/cơ sở	1
đ)	Điều trị thông thường phù hợp độ tuổi, giới tính, bệnh tật của đối tượng (nếu có)	Lượt điều trị	Hằng ngày
7	Tư vấn, trợ giúp đối tượng trở về gia đình, cộng đồng	Lượt/đối tượng	1
8	Văn phòng phẩm		
-	Giấy A4	Gram/10 đối tượng /6 tháng	1
-	Bút bi	Cái/10 đối tượng/tháng	1
-	Ghim dập 24 x 6	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim dập bé	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim vòng	Hộp/10 đối tượng/tháng	1
-	Máy dập ghim nhỏ	Cái/10 đối tượng/năm	1

-	Máy in	Cái/20 đối tượng/5 năm	1
-	Mực in	Hộp mực/10 đối tượng/năm	1
-	Cartridge mực	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Sổ ghi chép	Quyển/10 đối tượng/năm	1
-	Hồ dán	Lọ/10 đối tượng/3 tháng	1
-	Kẹp file hồ sơ đối tượng	Cái/10 đối tượng/năm	1
9	Điện, nước, xử lý chất thải		
-	Điện	Kwh/5 đối tượng/tháng	300
-	Nước sạch	m ³ /5 đối tượng/tháng	10
-	Xử lý rác thải	Kg/đối tượng/tháng	2
-	Chi phí giặt, hấp và khử khuẩn quần áo, khử khuẩn máy, rác thải, chất thải	Ca	1
-	Phun diệt côn trùng	Lần/năm	2
II	Chi phí tiền lương		
1	Định mức nhân công		
a)	Nhân viên công tác xã hội quản lý trường hợp tại cộng đồng	Nhân viên/100 đối tượng	1
b)	Nhân viên tâm lý, tư vấn, tham vấn	Nhân viên/cơ sở	1
c)	Nhân viên chăm sóc trực tiếp trẻ em khuyết tật; tâm thần; nhiễm HIV từ 18 tháng tuổi đến dưới 6 tuổi	Nhân viên /4 trẻ em	1
d)	Cán bộ, nhân viên y tế phụ trách chăm sóc sức khỏe cho đối tượng	Nhân viên/50 đối tượng	1
đ)	Cán bộ phụ trách dinh dưỡng bao gồm tiếp phẩm, nấu ăn	Nhân viên/20 đối tượng	1
e)	Cán bộ nhân viên làm công tác phục hồi chức năng	Nhân viên/7 đối tượng	1
2	Định mức hệ số lương, phụ cấp chức vụ bình quân		
-	Hệ số lương, phụ cấp chức vụ		3.5

-	Phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 4/7/2011 của Chính phủ; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ; Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 6/4/2016 của Chính phủ		1.96
-	Phụ cấp khu vực		0,3
-	Phụ cấp độc hại bình quân		0,2
-	Phụ cấp trực	Ngày	365
III	Chi phí quản lý		
-	Cán bộ, nhân viên làm gián tiếp (kế toán, hành chính - tổng hợp, quản trị, thủ quỹ, văn thư, lái xe, bảo vệ)	Cán bộ, nhân viên gián tiếp/tổng số cán bộ, nhân viên cơ sở	20% số cán bộ, nhân viên
-	Cán bộ quản lý (Ban giám đốc, trưởng phòng, phó phòng)	Cán bộ, nhân viên	Số lượng theo thực tế
IV	Chi phí khấu hao tài sản cố định		
-	Chi phí khấu hao tài sản cố định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về khấu hao tài sản cố định		
-	Cung cấp chỗ ở: Thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội		

VII. NHÓM TRẺ EM KHUYẾT TẬT; TÂM THẦN; NHIỄM HIV TỪ 6 TUỔI ĐẾN DƯỚI 16 TUỔI

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng định mức
I	Chi phí trực tiếp		
1	Thức ăn, quần áo và các vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
a)	Thực phẩm, thức ăn hàng ngày		
-	Ít nhất ba bữa ăn: Sáng, trưa và tối mỗi ngày; đảm bảo dinh dưỡng đủ calo, có chất đạm	KL/đối tượng/ngày	2.000
		Bữa/ngày	3
-	Chế độ dinh dưỡng đặc biệt cho đối tượng có nhu cầu đặc biệt như trẻ sơ sinh, trẻ	KL/đối tượng/ngày	2000

	khuyết tật, trẻ nhiễm HIV, trẻ bị ốm hoặc suy dinh dưỡng		
-	Chế độ ăn ngày lễ, tết Dương lịch	Ngày/đối tượng	6
-	Chế độ ăn ngày tết Nguyên Đán	Ngày/đối tượng	5
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ nấu ăn	Bộ/cơ sở	1
b)	Quần áo		
-	Quần áo đồng phục đi học (đối với trẻ em trong độ tuổi đi học); Giày/dép và tất	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Giày đi học, dép quai đi học	Đôi/đối tượng/năm	1
-	Quần áo lót	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Quần áo mùa đông	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Quần áo mùa hè	Bộ/đối tượng/năm	2
c)	Vệ sinh và vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
-	Nước uống sạch	Lít/đối tượng/ngày	2
-	Nước đảm bảo vệ sinh tắm giặt hàng ngày	Lít/đối tượng/ngày	20
-	Cung cấp đồ dùng vệ sinh cá nhân gồm:		
	Xà phòng tắm, xà phòng giặt, khăn mặt, khăn tắm, kem đánh răng, bàn chải đánh răng, dầu gội, giấy vệ sinh, tăm bông ngoáy tai....	Bộ/đối tượng/quý	1
	Giấy vệ sinh	Bịch/đối tượng/quý	1,5
	Máy sấy tóc, tông đơ	Cái/10 đối tượng/năm	1
	Bấm móng tay	Cái/ đối tượng/năm	1
	Lược nhựa loại to	Cái/ 5 đối tượng/năm	1
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ vệ sinh phòng ở gồm:		
	Cây lau nhà, chổi quét nhà, chổi nhựa, bàn chải, bàn chải cọ bồn cầu, chậu giặt, gáo múc nước.....	Cái/3 đối tượng/năm	1
	Nước lau sàn	Chai/2 đối tượng/năm	1
	Nước tẩy bồn cầu	Chai/đối tượng/năm	1

	Cốc nhựa	Cái/đối tượng/năm	1
-	Bông, băng vệ sinh phụ nữ (đối tượng phụ nữ)	Bộ/đối tượng phụ nữ/tháng	1
d)	Cung cấp đồ dùng phục vụ việc ngủ gồm		
-	Gối, màn, chiếu	Bộ/đối tượng/năm	1
-	Đệm, chăn đông	Bộ/đối tượng/3năm	1
-	Ga vải, ga chống thấm	Bộ/đối tượng/năm	1
-	Chăn hè	Cái/đối tượng/3năm	1
-	Giường nằm	Chiếc/đối tượng/5năm	1
2	Hỗ trợ đối tượng về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ khi đối tượng kết thúc đợt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lần/lượt đối tượng	1
3	Về giáo dục, học nghề và dạy kỹ năng sống cho đối tượng có yêu cầu		
a)	Bảo đảm phổ cập giáo dục theo quy định của Luật Giáo dục: Gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên	Kỳ học/đối tượng	2
b)	Giáo dục về đạo đức xã hội, vệ sinh, kiến thức phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS, sức khỏe sinh sản và các chủ đề khác phù hợp với độ tuổi và giới tính	Buổi/lượt đối tượng/năm	3
c)	Giáo dục về phương pháp tự phòng tránh buôn bán, lạm dụng bạo hành và bóc lột	Buổi/lượt đối tượng/năm	3
d)	Sách vở, tài liệu và bàn ghế học tập và nơi học tập cho đối tượng	Bộ/lượt đối tượng/năm	1
đ)	Dạy kỹ năng sống	Buổi/lượt đối tượng/năm	3
e)	Tư vấn hướng nghiệp và lựa chọn học nghề cho đối tượng có yêu cầu	Lần/lượt đối tượng/năm	1
4	Vật lý trị liệu, lao động trị liệu, phục hồi chức năng cho đối tượng có nhu cầu	Lượt/đối tượng/ngày	1
5	Về văn hóa, thể thao và giải trí		
a)	Về văn hóa		
	Học văn hóa truyền thống dân tộc, quyền tự do về tôn giáo, tín ngưỡng trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam	Lượt/đối tượng/năm	3

b)	Về thể thao, vui chơi, giải trí		
	Tham gia các sự kiện, hoạt động thể thao (phù hợp với lứa tuổi và điều kiện sức khỏe)	Lượt/đối tượng/tuần	1
6	Chăm sóc Y tế		
a)	Trang thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp, tủ thuốc bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu khi cần thiết	Bộ/cơ sở	1
b)	Mở sổ theo dõi sức khỏe	Sổ/đối tượng/năm	1
c)	Kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng và hàng năm cho đối tượng	Lượt/đối tượng/năm	2
d)	Đối với cơ sở trợ giúp xã hội có nhiệm vụ phục hồi chức năng thì phải có trang thiết bị phục hồi chức năng	Bộ/cơ sở	1
đ)	Điều trị thông thường phù hợp độ tuổi, giới tính, bệnh tật của đối tượng (nếu có)	Lượt điều trị	Hàng ngày
e)	Thẻ BHYT	Thẻ/đối tượng	1
7	Tư vấn, trợ giúp đối tượng trở về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ tư vấn, trợ giúp khi đối tượng kết thúc đợt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lượt/đối tượng	1
8	Văn phòng phẩm		
-	Giấy A4	Gram/10 đối tượng/6 tháng	1
-	Bút bi	Cái/10 đối tượng/tháng	1
-	Ghim dập 24 x 6	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim dập bé	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim vòng	Hộp/10 đối tượng/tháng	1
-	Máy dập ghim nhỏ	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Máy in	Cái/20 đối tượng/5 năm	1
-	Mực in	Hộp mực/10 đối tượng/năm	1
-	Cartridge mực	Cái/10 đối tượng/năm	1

-	Sổ ghi chép	Quyển/10 đối tượng/năm	1
-	Hồ dán	Lọ/10 đối tượng/3 tháng	1
-	Kẹp file hồ sơ đối tượng	Cái/10 đối tượng/năm	1
9	Điện, nước, xử lý chất thải		
-	Điện	Kwh/5 đối tượng/tháng	300
-	Nước sạch	m ³ /5 đối tượng/tháng	10
-	Xử lý rác thải	Kg/đối tượng/tháng	2
-	Chi phí giặt, hấp và khử khuẩn quần áo, khử khuẩn máy, rác thải, chất thải	Ca	1
-	Phun diệt côn trùng	Lần/năm	2
II	Chi phí tiền lương		
1	Định mức nhân công		
a)	Nhân viên tâm lý, tư vấn, tham vấn	Nhân viên/cơ sở	1
b)	Nhân viên chăm sóc trực tiếp trẻ em khuyết tật, tâm thần, nhiễm HIV từ 6 đến dưới 16 tuổi	Nhân viên/5 trẻ em	1
c)	Cán bộ, nhân viên y tế phụ trách chăm sóc sức khỏe cho đối tượng	Nhân viên/50 đối tượng	1
d)	Cán bộ phụ trách dinh dưỡng bao gồm tiếp phẩm, nấu ăn	Nhân viên/20 đối tượng	1
đ)	Cán bộ nhân viên làm công tác phục hồi chức năng	Nhân viên/7 đối tượng	1
g)	Cán bộ, nhân viên làm công tác dạy văn hóa, dạy nghề	Nhân viên/9 đối tượng	1
2	Định mức hệ số lương, phụ cấp bình quân		
-	Hệ số lương, phụ cấp chức vụ		3.5
-	Phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 4/7/2011 của Chính phủ; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ; Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 6/4/2016 của Chính phủ		1.96
-	Phụ cấp khu vực		0,3

-	Phụ cấp độc hại bình quân		0,2
-	Phụ cấp trực	Ngày	365
III	Chi phí quản lý		
-	Cán bộ, nhân viên làm gián tiếp (kế toán, hành chính - tổng hợp, quản trị, thủ quỹ, văn thư, lái xe, bảo vệ)	Cán bộ, nhân viên gián tiếp/tổng số cán bộ, nhân viên cơ sở	20% số cán bộ, nhân viên
-	Cán bộ quản lý (Ban giám đốc, trưởng phòng, phó phòng)	Cán bộ, nhân viên	Số lượng theo thực tế
IV	Chi phí khấu hao tài sản cố định		
-	Chi phí khấu hao tài sản cố định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về khấu hao tài sản cố định		
-	Cung cấp chỗ ở: Thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội		

VIII. NGƯỜI BÌNH THƯỜNG TỪ 16 TUỔI ĐẾN DƯỚI 22 TUỔI ĐANG THEO HỌC CÁC CẤP PHỔ THÔNG, HỌC NGHỀ, TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP, CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng định mức
I	Chi phí trực tiếp		
1	Thức ăn, quần áo và các vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
a)	Thực phẩm, thức ăn hàng ngày		
-	Ít nhất ba bữa ăn: Sáng, trưa và tối mỗi ngày; đảm bảo dinh dưỡng đủ calo, có chất đạm	KL/đối tượng/ngày	2.000
		Bữa/ngày	3
-	Chế độ ăn ngày lễ, tết Dương lịch	Ngày/đối tượng	6
-	Chế độ ăn ngày tết Nguyên Đán	Ngày/đối tượng	5
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ nấu ăn	Bộ/cơ sở	1
b)	Quần áo		
-	Quần áo đồng phục đi học (đối với trẻ em trong độ tuổi đi học); Giày/dép và tất	Bộ/đối tượng/năm	2

-	Giày đi học, dép quai đi học	Đôi/đôi tượng/ năm	1
-	Quần áo lót	Bộ/đôi tượng/năm	2
-	Quần áo mùa đông	Bộ/đôi tượng/năm	2
-	Quần áo mùa hè	Bộ/đôi tượng/năm	2
c)	Vệ sinh và vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
-	Nước uống sạch	Lít/đôi tượng/ngày	2
-	Nước bảo đảm vệ sinh tắm, giặt hàng ngày	Lít/đôi tượng/ngày	20
-	Cung cấp đồ dùng vệ sinh cá nhân gồm:		
	Xà phòng tắm, xà phòng giặt, khăn mặt, khăn tắm, kem đánh răng, bàn chải đánh răng, dầu gội, giấy vệ sinh, tăm bông ngoáy tai....	Bộ/đôi tượng/quý	1
	Giấy vệ sinh	Bịch/đôi tượng/quý	1,5
	Máy sấy tóc, tông đơ	Cái/10 đôi tượng/năm	1
	Bấm móng tay	Cái/đôi tượng/năm	1
	Lược nhựa loại to	Cái/5 đôi tượng/năm	1
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ vệ sinh phòng ở gồm:		
	Cây lau nhà, chổi quét nhà, chổi nhựa, bàn chải, bàn chải cọ bồn cầu, chậu giặt, gáo múc nước.....	Cái/3 đôi tượng/năm	1
	Nước lau sàn	Chai/2 đôi tượng/năm	1
	Nước tẩy bồn cầu	Chai/đôi tượng/năm	1
	Cốc nhựa	Cái/đôi tượng/năm	1
-	Bông, băng vệ sinh phụ nữ	Bộ/đôi tượng phụ nữ/tháng	1
d)	Cung cấp đồ dùng phục vụ việc ngủ gồm:		
-	Gối, màn, chiếu	Bộ/đôi tượng/năm	1
-	Đệm, chăn đông	Bộ/đôi tượng/3năm	1
-	Ga vải	Bộ/đôi tượng/năm	1
-	Chăn hè	Cái/đôi tượng/3năm	1
-	Giường nằm	Chiếc/đôi tượng/5năm	1

2	Hỗ trợ đối tượng về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ khi đối tượng kết thúc lượt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lần/lượt đối tượng	1
3	Về giáo dục, học nghề và dạy kỹ năng sống cho đối tượng có yêu cầu		
a)	Bảo đảm phổ cập giáo dục theo quy định của Luật Giáo dục: Gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên	Kỳ học/đối tượng	2
b)	Giáo dục về đạo đức xã hội, vệ sinh, kiến thức phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS, sức khỏe sinh sản và các chủ đề khác phù hợp với độ tuổi và giới tính	Buổi/lượt đối tượng/năm	3
c)	Giáo dục về phương pháp tự phòng tránh buôn bán, lạm dụng bạo hành và bóc lột	Buổi/lượt đối tượng/năm	3
d)	Cung cấp sách vở, tài liệu và bàn ghế học tập và nơi học tập cho đối tượng	Bộ/lượt đối tượng/năm	1
đ)	Dạy kỹ năng sống	Buổi/lượt đối tượng/năm	3
e)	Tư vấn hướng nghiệp và lựa chọn học nghề cho đối tượng có yêu cầu	Lần/đối tượng/năm	1
4	Văn hóa, thể thao và giải trí		
a)	Về văn hóa		
-	Học văn hóa truyền thống dân tộc, quyền tự do về tôn giáo, tín ngưỡng trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam	Lượt/đối tượng/năm	3
b)	Về thể thao, vui chơi, giải trí		
-	Tham gia các sự kiện, hoạt động thể thao (phù hợp với lứa tuổi và điều kiện sức khỏe)	Lượt/đối tượng/tuần	1
5	Chăm sóc Y tế		
a)	Trang thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp, thuốc bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu khi cần thiết	Bộ/cơ sở	1
b)	Mở sổ theo dõi sức khỏe	Sổ/đối tượng/năm	1
c)	Kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng và hàng năm cho đối tượng	Lượt/đối tượng/năm	2

d)	Điều trị thông thường phù hợp độ tuổi, giới tính, bệnh tật của đối tượng (nếu có)	Lượt điều trị	Hằng ngày
	Thẻ BHYT	Thẻ/đối tượng	1
6	Tư vấn, trợ giúp đối tượng trở về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ tư vấn, trợ giúp khi đối tượng kết thúc lượt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lượt/đối tượng	1
7	Văn phòng phẩm		
-	Giấy A4	Gram/10 đối tượng /6 tháng	1
-	Bút bi	Cái/10 đối tượng/tháng	1
-	Ghim dập 24 x 6	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim dập bé	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim vòng	Hộp/10 đối tượng/tháng	1
-	Máy dập ghim nhỏ	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Máy in	Cái/20 đối tượng/5 năm	1
-	Mực in	Hộp mực/10 đối tượng/năm	1
-	Cartridge mực	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Sổ ghi chép	Quyển/10 đối tượng/năm	1
-	Hồ dán	Lọ/10 đối tượng/3 tháng	1
-	Kẹp file hồ sơ đối tượng	Cái/10 đối tượng/năm	1
8	Điện, nước, xử lý chất thải		
-	Điện	Kwh/5 đối tượng/tháng	300
-	Nước sạch	m3/5 đối tượng/tháng	10
-	Xử lý rác thải	Kg/đối tượng/tháng	2
-	Chi phí giặt, hấp và khử khuẩn quần áo, khử khuẩn máy, rác thải, chất thải	Ca	1
-	Phun diệt côn trùng	Lần/năm	2
II	Chi phí tiền lương		

1	Định mức nhân công		
a)	Nhân viên tâm lý, tư vấn, tham vấn	Nhân viên/cơ sở	1
b)	Cán bộ, nhân viên y tế phụ trách chăm sóc sức khỏe cho đối tượng	Nhân viên/50 đối tượng	1
c)	Cán bộ phụ trách dinh dưỡng bao gồm tiếp phẩm, nấu ăn	Nhân viên/20 đối tượng	1
d)	Cán bộ, nhân viên làm công tác dạy văn hóa, dạy nghề	Nhân viên/9 đối tượng	1
2	Định mức hệ số lương, phụ cấp chức vụ bình quân		
-	Hệ số lương, phụ cấp chức vụ		3.5
-	Phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 4/7/2011 của Chính phủ, Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ, Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 6/4/2016 của Chính phủ		1.96
-	Phụ cấp khu vực		0,3
-	Phụ cấp độc hại bình quân		0,2
-	Phụ cấp trực	Ngày	365
III	Chi phí quản lý		
-	Cán bộ, nhân viên làm gián tiếp (kế toán, hành chính - tổng hợp, quản trị, thủ quỹ, văn thư, lái xe, bảo vệ)	Cán bộ, nhân viên gián tiếp/tổng số cán bộ, nhân viên cơ sở	20% số cán bộ, nhân viên
-	Cán bộ quản lý (Ban giám đốc, trưởng phòng, phó phòng)	Cán bộ, nhân viên	Số lượng theo thực tế
IV	Chi phí khấu hao tài sản cố định		
-	Chi phí khấu hao tài sản cố định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về khấu hao tài sản cố định		
-	Cung cấp chỗ ở: Thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội		

IX. NGƯỜI KHUYẾT TẬT CÒN TỰ PHỤC VỤ ĐƯỢC

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng định mức
I	Chi phí trực tiếp		
1	Thức ăn, quần áo và các vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
a)	Thực phẩm, thức ăn hàng ngày		
-	Ít nhất ba bữa ăn: Sáng, trưa và tối mỗi ngày; đảm bảo dinh dưỡng đủ calo, có chất đạm	KL/đôi tượng/ngày	2.000
		Bữa/ngày	3
-	Chế độ dinh dưỡng đặc biệt cho đối tượng có nhu cầu đặc biệt như trẻ sơ sinh, trẻ khuyết tật, trẻ nhiễm HIV, trẻ bị ốm hoặc suy dinh dưỡng và người cao tuổi	KL/đôi tượng/ngày	2000
-	Chế độ ăn ngày lễ, tết Dương lịch	Ngày/đôi tượng	6
-	Chế độ ăn ngày tết Nguyên Đán	Ngày/đôi tượng	5
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ nấu ăn	Bộ/cơ sở	1
b)	Quần áo		
-	Quần áo lót	Bộ/đôi tượng/năm	2
-	Quần áo mùa đông	Bộ/đôi tượng/năm	2
-	Quần áo mùa hè	Bộ/đôi tượng/năm	2
-	Dép và tất	Bộ/đôi tượng/năm	2
-	Giày	Đôi/đôi tượng/năm	1
c)	Vệ sinh và vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
-	Cung cấp đầy đủ nước uống sạch	Lít/đôi tượng/ngày	2
-	Cung cấp nước bảo đảm vệ sinh tắm, giặt hàng ngày	Lít/đôi tượng/ngày	20
-	Cung cấp đồ dùng vệ sinh cá nhân gồm: Xà phòng tắm, xà phòng giặt, khăn mặt, khăn tắm, kem đánh răng, bàn chải đánh răng, dầu gội, tắm bông ngoáy tai.....	Bộ/đôi tượng/quý	1

	Giấy vệ sinh	Bịch/đôi tượng/quý	1,5
	Máy sấy tóc, tông đơ	Cái/10 đôi tượng/năm	1
	Bấm móng tay	Cái/đôi tượng/năm	1
	Lược nhựa loại to	Cái/5 đôi tượng/năm	1
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ vệ sinh phòng ở gồm: Cây lau nhà, chổi quét nhà, chổi nhựa, bàn chải, bàn chải cọ bồn cầu, chậu giặt, gáo múc nước, nước lau sàn, nước tẩy bồn cầu		
	Cây lau nhà, chổi quét nhà, chổi nhựa, bàn chải, bàn chải cọ bồn cầu, chậu giặt, gáo múc nước	Cái/3 đôi tượng/năm	1
	Nước lau sàn	Chai/2 đôi tượng/năm	1
	Nước tẩy bồn cầu	Chai/ đôi tượng/năm	1
	Cốc nhựa	Cái/đôi tượng/năm	1
-	Bông băng, vệ sinh phụ nữ	Bộ/đôi tượng phụ nữ/tháng	1
d)	Cung cấp đồ dùng phục vụ việc ngủ gồm:		
-	Gối, màn, chiếu	Bộ/đôi tượng/năm	1
-	Đệm, chăn đông	Bộ/đôi tượng/3năm	1
-	Ga vải, ga chống thấm	Bộ/đôi tượng/năm	1
-	Chăn hè	Cái/đôi tượng/3năm	1
-	Giường nằm	Chiếc/đôi tượng/5năm	1
2	Hỗ trợ đối tượng về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ khi đối tượng kết thúc đợt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lần/lượt đối tượng	1
3	Vật lý trị liệu, lao động trị liệu, phục hồi chức năng cho đối tượng có nhu cầu	Lượt/đôi tượng/ngày	1
4	Văn hóa, thể thao và giải trí		
a)	Về văn hóa		

	Học văn hóa truyền thống dân tộc, quyền tự do về tôn giáo, tín ngưỡng trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam	Lượt/đối tượng/năm	1
b)	Về thể thao, vui chơi, giải trí		
	Tham gia các sự kiện, hoạt động thể thao (phù hợp với lứa tuổi và điều kiện sức khỏe)	Lượt/đối tượng/tuần	1
5	Chăm sóc Y tế		
a)	Trang thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp, tủ thuốc bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu khi cần thiết	Bộ/cơ sở	1
b)	Mở sổ theo dõi sức khỏe	Sổ/đối tượng/năm	1
c)	Kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng và hàng năm cho đối tượng	Lượt/đối tượng/năm	2
d)	Đối với cơ sở trợ giúp xã hội có nhiệm vụ phục hồi chức năng thì phải có trang thiết bị phục hồi chức năng	Bộ/cơ sở	1
đ)	Điều trị thông thường phù hợp độ tuổi, giới tính, bệnh tật của đối tượng (nếu có)	Lượt điều trị	Hàng ngày
e)	Thẻ BHYT	Thẻ/đối tượng	1
6	Tư vấn, trợ giúp đối tượng trở về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ tư vấn, trợ giúp khi đối tượng kết thúc lượt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lượt/đối tượng	1
7	Văn phòng phẩm		
-	Giấy A4	Gram/10 đối tượng/6 tháng	1
-	Bút bi	Cái/10 đối tượng/tháng	1
-	Ghim dập 24 x 6	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim dập bé	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim vòng	Hộp/10 đối tượng/tháng	1
-	Máy dập ghim nhỏ	Cái/10 đối tượng/năm	1

-	Máy in	Cái/20 đối tượng/5 năm	1
-	Mực in	Hộp mực/10 đối tượng/năm	1
-	Cartridge mực	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Sổ ghi chép	Quyển/10 đối tượng/năm	1
-	Hồ dán	Lọ/10 đối tượng/3 tháng	1
-	Kẹp file hồ sơ đối tượng	Cái/10 đối tượng/năm	1
8	Điện, nước, xử lý chất thải		
-	Điện	Kwh/5 đối tượng/tháng	300
-	Nước sạch	m ³ /5 đối tượng/tháng	10
-	Xử lý rác thải	Kg/đối tượng/tháng	2
-	Chi phí giặt, hấp và khử khuẩn quần áo, khử khuẩn máy, rác thải, chất thải	Ca	1
-	Phun diệt côn trùng	Lần/năm	2
II	Chi phí tiền lương		
1	Định mức nhân công		
a)	Nhân viên tâm lý, tư vấn, tham vấn	Nhân viên/cơ sở	1
b)	Nhân viên chăm sóc trực tiếp người khuyết tật còn tự phục vụ được	Nhân viên/20 đối tượng	1
c)	Cán bộ, nhân viên y tế phụ trách chăm sóc sức khỏe cho đối tượng	Nhân viên/50 đối tượng	1
d)	Cán bộ phụ trách dinh dưỡng bao gồm tiếp phẩm, nấu ăn	Nhân viên/20 đối tượng	1
đ)	Cán bộ nhân viên làm công tác phục hồi chức năng	Nhân viên/7 đối tượng	1
2	Định mức hệ số lương, phụ cấp chức vụ bình quân		
-	Hệ số lương, phụ cấp chức vụ		3.5
-	Phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 4/7/2011 của Chính phủ; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ;		1.96

	Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 6/4/2016 của Chính phủ		
-	Phụ cấp khu vực		0,3
-	Phụ cấp độc hại bình quân		0,2
-	Phụ cấp trực	Ngày	365
III	Chi phí quản lý		
-	Cán bộ, nhân viên làm gián tiếp (kế toán, hành chính - tổng hợp, quản trị, thủ quỹ, văn thư, lái xe, bảo vệ)	Cán bộ, nhân viên gián tiếp/tổng số cán bộ, nhân viên cơ sở	20% số cán bộ, nhân viên
-	Cán bộ quản lý (Ban giám đốc, trưởng phòng, phó phòng)	Cán bộ, nhân viên	Số lượng theo thực tế
IV	Chi phí khấu hao tài sản cố định		
-	Chi phí khấu hao tài sản cố định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về khấu hao tài sản cố định		
-	Cung cấp chỗ ở: Thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội		

X. NGƯỜI KHUYẾT TẬT KHÔNG TỰ PHỤC VỤ ĐƯỢC

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng định mức
I	Chi phí trực tiếp		
1	Thức ăn, quần áo và các vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
a)	Thực phẩm, thức ăn hàng ngày		
-	Ít nhất ba bữa ăn: Sáng, trưa và tối mỗi ngày; đảm bảo dinh dưỡng đủ calo, có chất đạm	KL/đôi tượng/ngày	2.000
		Bữa/ngày	3
-	Chế độ dinh dưỡng đặc biệt cho đối tượng có nhu cầu đặc biệt như trẻ sơ sinh, trẻ khuyết tật, trẻ nhiễm HIV, trẻ bị ốm hoặc suy dinh dưỡng và người cao tuổi	KL/đôi tượng/ngày	2000
-	Chế độ ăn ngày lễ, tết Dương lịch	Ngày/đôi tượng	6

-	Chế độ ăn ngày tết Nguyên Đán	Ngày/đối tượng	5
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ nấu ăn	Bộ/cơ sở	1
b)	Quần áo		
-	Quần áo lót	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Quần áo mùa đông	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Quần áo mùa hè	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Dép và tất	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Giày	Đôi/đối tượng/năm	1
c)	Vệ sinh và vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
-	Cung cấp đầy đủ nước uống sạch	Lít/đối tượng/ngày	2
-	Cung cấp nước bảo đảm vệ sinh tắm, giặt hàng ngày	Lít/đối tượng/ngày	20
-	Cung cấp đồ dùng vệ sinh cá nhân gồm: Xà phòng tắm, xà phòng giặt, khăn mặt, khăn tắm, kem đánh răng, bàn chải đánh răng, dầu gội, tăm bông ngoáy tai....	Bộ/đối tượng/quý	1
	Giấy vệ sinh	Bịch/đối tượng/quý	1,5
	Bỉm người lớn	Cái/đối tượng/ngày	2
	Máy sấy tóc, tông đơ	Cái/10 đối tượng/năm	1
	Bấm móng tay	Cái/đối tượng/năm	1
	Lược nhựa loại to	Cái/5 đối tượng/năm	1
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ vệ sinh phòng ở gồm: Cây lau nhà, chổi quét nhà, chổi nhựa, bàn chải, bàn chải cọ bồn cầu, chậu giặt, gáo múc nước, nước lau sàn, nước tẩy bồn cầu		
	Cây lau nhà, chổi quét nhà, chổi nhựa, bàn chải, bàn chải cọ bồn cầu, chậu giặt, gáo múc nước	Cái/3 đối tượng/năm	1
	Nước lau sàn	Chai/2 đối tượng/năm	1
	Nước tẩy bồn cầu	Chai/ đối tượng/năm	1
	Cốc nhựa	Cái/đối tượng/năm	1

-	Bông, băng vệ sinh phụ nữ	Bộ/đối tượng phụ nữ/tháng	1
d)	Cung cấp đồ dùng phục vụ việc ngủ gồm:		
-	Gối, màn, chiếu	Bộ/đối tượng/năm	1
-	Đệm, chăn đông	Bộ/đối tượng/3năm	1
-	Ga vải, ga chống thấm	Bộ/đối tượng/ năm	1
-	Chăn hè	Cái/đối tượng/3 năm	1
-	Giường nằm	Chiếc/đối tượng/5năm	1
2	Hỗ trợ đối tượng về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ khi đối tượng kết thúc lượt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lần/lượt đối tượng	1
3	Vật lý trị liệu, lao động trị liệu, phục hồi chức năng cho đối tượng có nhu cầu	Lượt/đối tượng/ngày	1
4	Văn hóa, thể thao và giải trí		
a)	Về văn hóa		
	Học văn hóa truyền thống dân tộc, quyền tự do về tôn giáo, tín ngưỡng trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam	Lượt/đối tượng/năm	1
b)	Về thể thao, vui chơi, giải trí		
	Tham gia các sự kiện, hoạt động thể thao (phù hợp với lứa tuổi và điều kiện sức khỏe)	Lượt/đối tượng/tuần	1
5	Chăm sóc Y tế		
a)	Trang thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp, thuốc bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu khi cần thiết	Bộ/cơ sở	1
b)	Mở sổ theo dõi sức khỏe	Sổ/đối tượng/năm	1
c)	Kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng và hàng năm cho đối tượng	Lượt/đối tượng/năm	2
d)	Đối với cơ sở trợ giúp xã hội có nhiệm vụ phục hồi chức năng thì phải có trang thiết bị phục hồi chức năng	Bộ/cơ sở	1
đ)	Điều trị thông thường phù hợp độ tuổi, giới tính, bệnh tật của đối tượng (nếu có)	Lượt điều trị	Hằng ngày
e)	Thẻ BHYT	Thẻ/đối tượng	1

6	Tư vấn, trợ giúp đối tượng trở về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ tư vấn, trợ giúp khi đối tượng kết thúc lượt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lượt/đối tượng	1
7	Văn phòng phẩm		
-	Giấy A4	Gram/10 đối tượng/6 tháng	1
-	Bút bi	Cái/10 đối tượng/tháng	1
-	Ghim dập 24 x 6	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim dập bé	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim vòng	Hộp/10 đối tượng/tháng	1
-	Máy dập ghim nhỏ	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Máy in	Cái/20 đối tượng/5 năm	1
-	Mực in	Hộp mực/10 đối tượng/năm	1
-	Cartridge mực	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Sổ ghi chép	Quyển/10 đối tượng/năm	1
-	Hồ dán	Lọ/10 đối tượng/3 tháng	1
-	Kẹp file hồ sơ đối tượng	Cái/10 đối tượng/năm	1
8	Điện, nước, xử lý chất thải		
-	Điện	Kwh/5 đối tượng/tháng	300
-	Nước sạch	m ³ /5 đối tượng/tháng	10
-	Xử lý rác thải	Kg/đối tượng/tháng	2
-	Chi phí giặt, hấp và khử khuẩn quần áo, khử khuẩn máy, rác thải, chất thải	Ca	1
-	Phun diệt côn trùng	Lần/năm	2
II	Chi phí tiền lương		
1	Định mức nhân công		
a)	Nhân viên tâm lý, tư vấn, tham vấn	Nhân viên/cơ sở	1

b)	Nhân viên chăm sóc trực tiếp người khuyết tật không tự phục vụ được	Nhân viên/10 đối tượng	1
c)	Cán bộ, nhân viên y tế phụ trách chăm sóc sức khỏe cho đối tượng	Nhân viên/50 đối tượng	1
d)	Cán bộ phụ trách dinh dưỡng bao gồm tiếp phẩm, nấu ăn	Nhân viên/20 đối tượng	1
đ)	Cán bộ nhân viên làm công tác phục hồi chức năng	Nhân viên/7 đối tượng	1
2	Định mức hệ số lương, phụ cấp chức vụ bình quân		
-	Hệ số lương, phụ cấp chức vụ		3.5
-	Phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 4/7/2011 của Chính phủ, Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ; Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 6/4/2016 của Chính phủ		1.96
-	Phụ cấp khu vực		0,3
-	Phụ cấp độc hại bình quân		0,2
-	Phụ cấp trực	Ngày	365
III	Chi phí quản lý		
-	Cán bộ, nhân viên làm gián tiếp (kế toán, hành chính - tổng hợp, quản trị, thủ quỹ, văn thư, lái xe, bảo vệ)	Cán bộ, nhân viên gián tiếp/ tổng số cán bộ, nhân viên cơ sở	20% số cán bộ, nhân viên
-	Cán bộ quản lý (Ban giám đốc, trưởng phòng, phó phòng)	Cán bộ, nhân viên	Số lượng theo thực tế
IV	Chi phí khấu hao tài sản cố định		
-	Chi phí khấu hao tài sản cố định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về khấu hao tài sản cố định		
-	Cung cấp chỗ ở: Thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội		

XI. NGƯỜI CAO TUỔI CÒN TỰ PHỤC VỤ ĐƯỢC

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng định mức
-----------	-----------------	--------------------	--------------------------

I	Chi phí trực tiếp		
1	Thức ăn, quần áo và các vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
a)	Thực phẩm, thức ăn hàng ngày		
-	Ít nhất ba bữa ăn: Sáng, trưa và tối mỗi ngày; đảm bảo dinh dưỡng đủ calo, có chất đạm	KL/đôi tượng/ngày	2.000
		Bữa/ngày	3
-	Chế độ dinh dưỡng đặc biệt cho người cao tuổi	KL/đôi tượng/ngày	2000
-	Chế độ ăn ngày lễ, tết Dương lịch	Ngày/đôi tượng	6
-	Chế độ ăn ngày tết Nguyên Đán	Ngày/đôi tượng	5
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ nấu ăn	Bộ/cơ sở	1
b)	Quần áo		
-	Quần áo lót	Bộ/đôi tượng/năm	2
-	Quần áo mùa đông	Bộ/đôi tượng/năm	2
-	Quần áo mùa hè	Bộ/đôi tượng/năm	2
-	Dép và tất	Bộ/đôi tượng/năm	2
-	Giày	Đôi/đôi tượng/năm	1
c)	Vệ sinh và vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
-	Nước uống sạch	Lít/đôi tượng/ngày	2
-	Nước bảo đảm vệ sinh tắm, giặt hàng ngày	Lít/đôi tượng/ngày	20
-	Cung cấp đồ dùng vệ sinh cá nhân gồm: Xà phòng tắm, xà phòng giặt, khăn mặt, khăn tắm, kem đánh răng, bàn chải đánh răng, dầu gội, giấy vệ sinh, tăm bông ngoáy tai.....	Bộ/đôi tượng/quý	1
	Giấy vệ sinh	Bịch/đôi tượng/quý	1,5
	Máy sấy tóc, tông đơ	Cái/10 đôi tượng/năm	1
	Bấm móng tay	Cái/đôi tượng/năm	1
	Lược nhựa loại to	Cái/5 đôi tượng/năm	1
	Công cụ, dụng cụ phục vụ vệ sinh phòng ở gồm: Cây lau nhà, chổi quét nhà, chổi nhựa, bàn chải, bàn chải cọ bồn cầu, chậu		

	giặt, gáo múc nước, nước lau sàn, nước tẩy bồn cầu		
	Cây lau nhà, chổi quét nhà, chổi nhựa, bàn chải, bàn chải cọ bồn cầu, chậu giặt, gáo múc nước	Cái/3 đối tượng/năm	1
	Nước lau sàn	Chai/2 đối tượng/năm	1
	Nước tẩy bồn cầu	Chai/ đối tượng/năm	1
	Cốc nhựa	Cái/đối tượng/năm	1
d)	Cung cấp đồ dùng phục vụ việc ngủ gồm		
-	Gối, màn, chiếu	Bộ/đối tượng/năm	1
-	Đệm, chăn đông	Bộ/đối tượng/3năm	1
	Ga vải, ga chống thấm	Bộ/đối tượng/năm	1
-	Chăn hè	Cái/đối tượng/3năm	1
-	Giường nằm	Chiếc/đối tượng/5năm	1
2	Hỗ trợ đối tượng về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ khi đối tượng kết thúc lượt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lần/lượt đối tượng	1
3	Vật lý trị liệu, lao động trị liệu, phục hồi chức năng cho đối tượng có nhu cầu	Lượt/đối tượng/ngày	1
4	Văn hóa, thể thao và giải trí		
a)	Về văn hóa:		
	Học văn hóa truyền thống dân tộc, quyền tự do về tôn giáo, tín ngưỡng trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam	Lượt/đối tượng/năm	1
b)	Về thể thao, vui chơi, giải trí:		
	Tham gia các sự kiện, hoạt động thể thao (phù hợp với lứa tuổi và điều kiện sức khỏe)	Lượt/đối tượng/tuần	1
5	Chăm sóc Y tế		
a)	Trang thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp, thuốc bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu khi cần thiết	Bộ/cơ sở	1
b)	Mở sổ theo dõi sức khỏe	Sổ/đối tượng/năm	1

c)	Kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng và hàng năm cho đối tượng	Lượt/đối tượng/năm	2
d)	Đối với cơ sở trợ giúp xã hội có nhiệm vụ phục hồi chức năng thì phải có trang thiết bị phục hồi chức năng	Bộ/cơ sở	1
đ)	Điều trị thông thường phù hợp độ tuổi, giới tính, bệnh tật của đối tượng (nếu có)	Lượt điều trị	Hàng ngày
e)	Thẻ BHYT	Thẻ/đối tượng	1
6	Tư vấn, trợ giúp đối tượng trở về gia đình, cộng đồng (Chi hỗ trợ tư vấn, trợ giúp khi đối tượng kết thúc lượt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lượt/đối tượng	1
7	Văn phòng phẩm		
-	Giấy A4	Gram/10 đối tượng/6 tháng	1
-	Bút bi	Cái/10 đối tượng/tháng	1
-	Ghim dập 24 x 6	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim dập bé	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim vòng	Hộp/10 đối tượng/tháng	1
-	Máy dập ghim nhỏ	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Máy in	Cái/20 đối tượng/5 năm	1
-	Mực in	Hộp mực/10 đối tượng/năm	1
-	Cartridge mực	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Sổ ghi chép	Quyển/10 đối tượng/năm	1
-	Hồ dán	Lọ/10 đối tượng/3 tháng	1
-	Kẹp file hồ sơ đối tượng	Cái/10 đối tượng/năm	1
8	Điện, nước, xử lý chất thải		
-	Điện	Kwh/5 đối tượng/tháng	300
-	Nước sạch	m ³ /5 đối tượng/tháng	10

-	Xử lý rác thải	Kg/đối tượng/tháng	2
-	Chi phí giặt, hấp và khử khuẩn quần áo, khử khuẩn máy, rác thải, chất thải	Ca	1
-	Phun diệt côn trùng	Lần/năm	2
II	Chi phí tiền lương		
1	Định mức nhân công		
a)	Nhân viên tâm lý, tư vấn, tham vấn	Nhân viên/cơ sở	1
b)	Nhân viên chăm sóc trực tiếp người cao tuổi còn tự phục vụ được	Nhân viên/20 đối tượng	1
c)	Cán bộ, nhân viên y tế phụ trách chăm sóc sức khỏe cho đối tượng	Nhân viên/50 đối tượng	1
d)	Cán bộ phụ trách dinh dưỡng bao gồm tiếp phẩm, nấu ăn	Nhân viên/20 đối tượng	1
đ)	Cán bộ nhân viên làm công tác phục hồi chức năng	Nhân viên/7 đối tượng	1
2	Định mức hệ số lương, phụ cấp bình quân		
-	Hệ số lương, phụ cấp chức vụ		3.5
-	Phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 4/7/2011 của Chính phủ; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ; Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 6/4/2016 của Chính phủ		1.96
-	Phụ cấp khu vực		0,3
-	Phụ cấp độc hại bình quân		0,2
-	Phụ cấp trực	Ngày	365
III	Chi phí quản lý		
-	Cán bộ, nhân viên làm gián tiếp (kế toán, hành chính - tổng hợp, quản trị, thủ quỹ, văn thư, lái xe, bảo vệ)	Cán bộ, nhân viên gián tiếp/tổng số cán bộ, nhân viên cơ sở	20% số cán bộ, nhân viên
-	Cán bộ quản lý (Ban giám đốc, trưởng phòng, phó phòng)	Cán bộ, nhân viên	Số lượng theo thực tế
IV	Chi phí khấu hao tài sản cố định		

-	Chi phí khấu hao tài sản cố định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về khấu hao tài sản cố định		
-	Cung cấp chỗ ở: Thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội		

XII. NGƯỜI CAO TUỔI KHÔNG TỰ PHỤC VỤ ĐƯỢC

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng định mức
I	Chi phí trực tiếp		
1	Thức ăn, quần áo và các vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
a)	Thực phẩm, thức ăn hàng ngày		
-	Ít nhất ba bữa ăn: Sáng, trưa và tối mỗi ngày; đảm bảo dinh dưỡng đủ calo, có chất đạm	KL/đôi tượng/ngày	2000
		Bữa/ngày	3
-	Chế độ dinh dưỡng đặc biệt cho đối tượng người cao tuổi	KL/đôi tượng/ngày	2000
-	Chế độ ăn ngày lễ, tết Dương lịch	Ngày/đôi tượng	6
-	Chế độ ăn ngày tết Nguyên Đán	Ngày/đôi tượng	5
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ nấu ăn	Bộ/cơ sở	1
b)	Quần áo		
-	Quần áo lót	Bộ/đôi tượng/năm	2
-	Quần áo mùa đông	Bộ/đôi tượng/năm	2
-	Quần áo mùa hè	Bộ/đôi tượng/năm	2
-	Dép và tất	Bộ/đôi tượng/năm	2
-	Giày	Đôi/đôi tượng/năm	1
c)	Vệ sinh và vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
-	Nước uống sạch	Lít/đôi tượng/ngày	2
-	Nước bảo đảm vệ sinh tắm, giặt hàng ngày	Lít/đôi tượng/ngày	20

-	Cung cấp đồ dùng vệ sinh cá nhân gồm: Xà phòng tắm, xà phòng giặt, khăn mặt, khăn tắm, kem đánh răng, bàn chải đánh răng, dầu gội, tăm bông ngoáy tai.....	Bộ/đôi tượng/quý	1
	Giấy vệ sinh	Bịch/đôi tượng/quý	1,5
	Bỉm người lớn	Cái/đôi tượng/ngày	2
	Máy sấy tóc, tông đơ	Cái/10 đôi tượng/năm	1
	Bấm móng tay	Cái/đôi tượng/năm	1
	Lược nhựa loại to	Cái/5 đôi tượng/năm	1
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ vệ sinh phòng ở gồm: Cây lau nhà, chổi quét nhà, chổi nhựa, bàn chải, bàn chải cọ bồn cầu, chậu giặt, gáo múc nước, nước lau sàn, nước tẩy bồn cầu		
	Cây lau nhà, chổi quét nhà, chổi nhựa, bàn chải, bàn chải cọ bồn cầu, chậu giặt, gáo múc nước	Cái/3 đôi tượng/năm	1
	Nước lau sàn	Chai/2 đôi tượng/năm	1
	Nước tẩy bồn cầu	Chai/ đôi tượng/năm	1
	Cốc nhựa	Cái/đôi tượng/năm	1
d)	Cung cấp đồ dùng phục vụ việc ngủ gồm		
-	Gối, màn, chiếu	Bộ/đôi tượng/năm	1
-	Đệm, chăn đông,	Bộ/đôi tượng/3năm	1
-	Ga vải, ga chống thấm	Bộ/đôi tượng/năm	1
-	Chăn hè	Cái/đôi tượng/3 năm	1
-	Giường nằm	Chiếc/đôi tượng/5năm	1
2	Hỗ trợ đối tượng về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ khi đối tượng kết thúc lượt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lần/lượt đối tượng	1
3	Vật lý trị liệu, lao động trị liệu, phục hồi chức năng cho đối tượng có nhu cầu	Lượt/đôi tượng/ngày	1
4	Văn hóa, thể thao và giải trí		
-	Về thể thao, vui chơi, giải trí:		

	Tham gia các sự kiện, hoạt động thể thao (phù hợp với lứa tuổi và điều kiện sức khỏe)	Lượt/đối tượng/tuần	1
5	Chăm sóc Y tế		
a)	Trang thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp, tủ thuốc bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu khi cần thiết	Bộ/cơ sở	1
b)	Mở sổ theo dõi sức khỏe	Sổ/đối tượng/năm	1
c)	Kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng và hàng năm cho đối tượng	Lượt/đối tượng/năm	2
d)	Đối với cơ sở trợ giúp xã hội có nhiệm vụ phục hồi chức năng thì phải có trang thiết bị phục hồi chức năng	Bộ/cơ sở	1
đ)	Điều trị thông thường phù hợp độ tuổi, giới tính, bệnh tật của đối tượng (nếu có)	Lượt điều trị	Hàng ngày
e)	Thẻ BHYT	Thẻ/đối tượng	1
6	Tư vấn, trợ giúp đối tượng trở về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ tư vấn, trợ giúp khi đối tượng kết thúc lượt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lượt/đối tượng	1
7	Văn phòng phẩm		
-	Giấy A4	Gram/10 đối tượng/6 tháng	1
-	Bút bi	Cái/10 đối tượng/tháng	1
-	Ghim dập 24 x 6	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim dập bé	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim vòng	Hộp/10 đối tượng/tháng	1
-	Máy dập ghim nhỏ	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Máy in	Cái/20 đối tượng/5 năm	1
-	Mực in	Hộp mực/10 đối tượng/năm	1
-	Cartridge mực	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Sổ ghi chép	Quyển/10 đối tượng/năm	1

-	Hồ dán	Lọ/10 đối tượng/3 tháng	1
-	Kẹp file hồ sơ đối tượng	Cái/10 đối tượng/năm	1
8	Điện, nước, xử lý chất thải		
-	Điện	Kwh/5 đối tượng/tháng	300
-	Nước sạch	m ³ /5 đối tượng/tháng	10
-	Xử lý rác thải	Kg/đối tượng/tháng	2
-	Chi phí giặt, hấp và khử khuẩn quần áo, khử khuẩn máy, rác thải, chất thải	Ca	1
-	Phun diệt côn trùng	Lần/năm	2
II	Chi phí tiền lương		
1	Định mức nhân công		
a)	Nhân viên tâm lý, tư vấn, tham vấn	Nhân viên/cơ sở	1
b)	Nhân viên chăm sóc trực tiếp người cao tuổi không tự phục vụ được	Nhân viên/10 đối tượng	1
c)	Cán bộ, nhân viên y tế phụ trách chăm sóc sức khỏe cho đối tượng	Nhân viên/50 đối tượng	1
d)	Cán bộ phụ trách dinh dưỡng bao gồm tiếp phẩm, nấu ăn	Nhân viên/20 đối tượng	1
đ)	Cán bộ nhân viên làm công tác phục hồi chức năng	Nhân viên/7 đối tượng	1
2	Định mức hệ số lương, phụ cấp chức vụ bình quân		
-	Hệ số lương, phụ cấp chức vụ		3.5
-	Phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 4/7/2011 của Chính phủ; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ; Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 6/4/2016 của Chính phủ		1.96
-	Phụ cấp khu vực		0,3
-	Phụ cấp độc hại bình quân		0,2
-	Phụ cấp trực	Ngày	365
III	Chi phí quản lý		

-	Cán bộ, nhân viên làm gián tiếp (kế toán, hành chính - tổng hợp, quản trị, thủ quỹ, văn thư, lái xe, bảo vệ)	Cán bộ, nhân viên gián tiếp/ tổng số cán bộ, nhân viên cơ sở	20% số cán bộ, nhân viên
-	Cán bộ quản lý (Ban giám đốc, trưởng phòng, phó phòng)	Cán bộ, nhân viên	Số lượng theo thực tế
IV	Chi phí khấu hao tài sản cố định		
-	Chi phí khấu hao tài sản cố định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về khấu hao tài sản cố định		
-	Cung cấp chỗ ở: Thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội		

XIII. NGƯỜI TÂM THẦN ĐÃ PHỤC HỒI ỔN ĐỊNH

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng định mức
I	Chi phí trực tiếp		
1	Thức ăn, quần áo và các vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
a)	Thực phẩm, thức ăn hàng ngày		
-	Ít nhất ba bữa ăn: Sáng, trưa và tối mỗi ngày; đảm bảo dinh dưỡng đủ calo, có chất đạm	KL/đối tượng/ngày	2.000
		Bữa/ngày	3
-	Chế độ dinh dưỡng đặc biệt cho đối tượng có nhu cầu đặc biệt như trẻ sơ sinh, trẻ khuyết tật, trẻ nhiễm HIV, trẻ bị ốm hoặc suy dinh dưỡng và người cao tuổi	KL/đối tượng/ngày	2000
-	Chế độ ăn ngày lễ, tết Dương lịch	Ngày/đối tượng	6
-	Chế độ ăn ngày tết Nguyên Đán	Ngày/đối tượng	5
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ nấu ăn	Bộ/cơ sở	1
b)	Quần áo		
-	Quần áo lót	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Quần áo mùa đông	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Quần áo mùa hè	Bộ/đối tượng/năm	2

-	Dép và tất	Bộ/đôi tượng/năm	2
-	Giày	Đôi/đôi tượng/năm	1
c)	Vệ sinh và vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
-	Nước uống sạch	Lít/đôi tượng/ngày	2
-	Nước bảo đảm vệ sinh tắm, giặt hàng ngày	Lít/đôi tượng/ngày	20
-	Cung cấp đồ dùng vệ sinh cá nhân gồm: Xà phòng tắm, xà phòng giặt, khăn mặt, khăn tắm, kem đánh răng, bàn chải đánh răng, dầu gội, giấy vệ sinh, tăm bông ngoáy tai.....	Bộ/đôi tượng/quý	1
	Giấy vệ sinh	Bịch/đôi tượng/quý	1,5
	Máy sấy tóc, tông đơ	Cái/10 đôi tượng/năm	1
	Bấm móng tay	Cái/đôi tượng/năm	1
	Lược nhựa loại to	Cái/5 đôi tượng/năm	1
	Công cụ, dụng cụ phục vụ vệ sinh phòng ở gồm: Cây lau nhà, chổi quét nhà, chổi nhựa, bàn chải, bàn chải cọ bồn cầu, chậu giặt, gáo múc nước, nước lau sàn, nước tẩy bồn cầu		
	Cây lau nhà, chổi quét nhà, chổi nhựa, bàn chải, bàn chải cọ bồn cầu, chậu giặt, gáo múc nước	Cái/3 đôi tượng/năm	1
	Nước lau sàn	Chai/2 đôi tượng/năm	1
	Nước tẩy bồn cầu	Chai/ đôi tượng/năm	1
	Cốc nhựa	Cái/đôi tượng/năm	1
-	Bông, băng vệ sinh phụ nữ	Bộ/đôi tượng phụ nữ/tháng	1
d)	Cung cấp đồ dùng phục vụ việc ngủ gồm		
-	Gối, màn, chiếu	Bộ/đôi tượng/năm	1
-	Đệm, chăn đông	Bộ/đôi tượng/3năm	1
-	Ga vải, ga chống thấm	Bộ/đôi tượng/năm	1

-	Chăn hè	Cái/đối tượng/3 năm	1
-	Giường nằm	Chiếc/đối tượng/5 năm	1
2	Hỗ trợ đối tượng về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ khi đối tượng kết thúc lượt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lần/lượt đối tượng	1
3	Vật lý trị liệu, lao động trị liệu, phục hồi chức năng cho đối tượng có nhu cầu	Lượt/đối tượng/ngày	1
4	Văn hóa, thể thao và giải trí		
-	Về thể thao, vui chơi, giải trí:		
	Tham gia các sự kiện, hoạt động thể thao (phù hợp với lứa tuổi và điều kiện sức khỏe)	lượt/đối tượng/tuần	1
5	Chăm sóc Y tế		
a)	Trang thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp, thuốc bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu khi cần thiết	Bộ/cơ sở	1
b)	Sở theo dõi sức khỏe	Sở/đối tượng/năm	1
c)	Kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng và hàng năm cho đối tượng	Lượt/đối tượng/năm	2
d)	Đối với cơ sở trợ giúp xã hội có nhiệm vụ phục hồi chức năng thì phải có trang thiết bị phục hồi chức năng	Bộ/cơ sở	1
đ)	Điều trị thông thường phù hợp độ tuổi, giới tính, bệnh tật của đối tượng (nếu có)	Lượt điều trị	Hằng ngày
e)	Thẻ BHYT	Thẻ/đối tượng	1
6	Tư vấn, trợ giúp đối tượng trở về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ tư vấn, trợ giúp khi đối tượng kết thúc lượt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lượt/đối tượng	1
7	Văn phòng phẩm		
-	Giấy A4	Gram/10 đối tượng/6 tháng	1
-	Bút bi	Cái/10 đối tượng/tháng	1
-	Ghim dập 24 x 6	Hộp/10 đối tượng/năm	1

-	Ghim dập bé	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim vòng	Hộp/10 đối tượng/tháng	1
-	Máy dập ghim nhỏ	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Máy in	Cái/20 đối tượng/5 năm	1
-	Mực in	Hộp mực/10 đối tượng/năm	1
-	Cartridge mực	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Sổ ghi chép	Quyển/10 đối tượng/năm	1
-	Hồ dán	Lọ/10 đối tượng/3 tháng	1
-	Kẹp file hồ sơ đối tượng	Cái/10 đối tượng/năm	1
8	Điện, nước, xử lý chất thải		
-	Điện	Kwh/5 đối tượng/tháng	300
-	Nước	m ³ /5 đối tượng/tháng	10
-	Xử lý rác thải	Kg/đối tượng/tháng	2
-	Chi phí giặt, hấp và khử khuẩn quần áo, khử khuẩn máy, rác thải, chất thải	Ca	1
-	Phun diệt côn trùng	Lần/năm	2
II	Chi phí tiền lương		
1	Định mức nhân công		
a)	Nhân viên tâm lý, tư vấn, tham vấn	Nhân viên/cơ sở	1
b)	Nhân viên chăm sóc trực tiếp người tâm thần đã phục hồi ổn định	Nhân viên/20 đối tượng	1
c)	Cán bộ, nhân viên y tế phụ trách chăm sóc sức khỏe cho đối tượng	Nhân viên/50 đối tượng	1
d)	Cán bộ phụ trách dinh dưỡng bao gồm tiếp phẩm, nấu ăn	Nhân viên/20 đối tượng	1
đ)	Cán bộ nhân viên làm công tác phục hồi chức năng	Nhân viên/7 đối tượng	1
2	Định mức hệ số lương, phụ cấp chức vụ bình quân		

-	Hệ số lương, phụ cấp chức vụ		3.5
-	Phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 4/7/2011 của Chính phủ; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ; Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 6/4/2016 của Chính phủ		1.96
-	Phụ cấp khu vực		0,3
-	Phụ cấp độc hại bình quân		0,2
-	Phụ cấp trực	Ngày	365
III	Chi phí quản lý		
-	Cán bộ, nhân viên làm gián tiếp (kế toán, hành chính - tổng hợp, quản trị, thủ quỹ, văn thư, lái xe, bảo vệ)	Cán bộ, nhân viên gián tiếp/ tổng số cán bộ, nhân viên cơ sở	20% số cán bộ, nhân viên
-	Cán bộ quản lý (Ban giám đốc, trưởng phòng, phó phòng)	Cán bộ, nhân viên	Số lượng theo thực tế
IV	Chi phí khấu hao tài sản cố định		
-	Chi phí khấu hao tài sản cố định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về khấu hao tài sản cố định		
-	Cung cấp chỗ ở: Thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội		

XIV. NGƯỜI TÂM THẦN NẶNG

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng định mức
I	Chi phí trực tiếp		
1	Thức ăn, quần áo và các vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
a)	Thực phẩm, thức ăn hàng ngày		
-	Ít nhất ba bữa ăn: Sáng, trưa và tối mỗi ngày; đảm bảo dinh dưỡng đủ calo, có chất đạm	KL/đối tượng/ngày	2.000
		Bữa/ngày	3
-	Chế độ dinh dưỡng đặc biệt cho đối tượng có nhu cầu đặc biệt như trẻ sơ sinh, trẻ	KL/đối tượng/ngày	2000

	khuyết tật, trẻ nhiễm HIV, trẻ bị ốm hoặc suy dinh dưỡng và người cao tuổi		
-	Chế độ ăn ngày lễ, tết Dương lịch	Ngày/đối tượng	6
-	Chế độ ăn ngày tết Nguyên Đán	Ngày/đối tượng	5
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ nấu ăn	Bộ/cơ sở	1
b)	Quần áo:		
-	Quần áo lót	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Quần áo mùa đông	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Quần áo mùa hè	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Dép và tất	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Giày	Đôi/đối tượng/năm	1
c)	Vệ sinh và vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt:		
-	Nước uống sạch	Lít/đối tượng/ngày	2
-	Nước bảo đảm vệ sinh tắm, giặt hàng ngày	Lít/đối tượng/ngày	20
-	Cung cấp đồ dùng vệ sinh cá nhân gồm: Xà phòng tắm, xà phòng giặt, khăn mặt, khăn tắm, kem đánh răng, bàn chải đánh răng, dầu gội, tăm bông ngoáy tai.....	Bộ/đối tượng/quý	1
	Giấy vệ sinh	Bịch/đối tượng/quý	1,5
	Bim người lớn	Cái/đối tượng/ngày	2
	Máy sấy tóc, tông đơ	Cái/10 đối tượng/năm	1
	Bấm móng tay	Cái/đối tượng/năm	1
	Lược nhựa loại to	Cái/5 đối tượng/năm	1
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ vệ sinh phòng ở gồm: Cây lau nhà, chổi quét nhà, chổi nhựa, bàn chải, bàn chải cọ bồn cầu, chậu giặt, gáo múc nước, nước lau sàn, nước tẩy bồn cầu		
	Cây lau nhà, chổi quét nhà, chổi nhựa, bàn chải, bàn chải cọ bồn cầu, chậu giặt, gáo múc nước	Cái/3 đối tượng/năm	1
	Nước lau sàn	Chai/2 đối tượng/năm	1

	Nước tẩy bồn cầu	Chai/đối tượng/năm	1
	Cốc nhựa	Cái/đối tượng/năm	1
-	Bông, băng vệ sinh phụ nữ	Bộ/đối tượng phụ nữ/tháng	1
d)	Cung cấp đồ dùng phục vụ việc ngủ gồm:		
-	Gối, màn, chiếu	Bộ/đối tượng/năm	1
-	Đệm, chăn đông	Bộ/đối tượng/3năm	1
-	Ga vải, ga chống thấm,	Bộ/đối tượng/năm	1
-	Chăn hè	Cái/đối tượng/3năm	1
-	Giường nằm	Chiếc/đối tượng/5năm	1
2	Hỗ trợ đối tượng về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ khi đối tượng kết thúc lượt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lần/lượt đối tượng	1
3	Vật lý trị liệu, lao động trị liệu, phục hồi chức năng cho đối tượng có nhu cầu	Lượt/đối tượng/ngày	1
4	Văn hóa, thể thao và giải trí		
-	Về thể thao, vui chơi, giải trí:		
	Tham gia các sự kiện, hoạt động thể thao (phù hợp với lứa tuổi và điều kiện sức khỏe)	Lượt/đối tượng/tuần	1
5	Chăm sóc Y tế		
a)	Trang thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp, thuốc bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu khi cần thiết	Bộ/cơ sở	1
b)	Sổ theo dõi sức khỏe	Sổ/đối tượng/năm	1
c)	Kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng và hàng năm cho đối tượng	Lượt/đối tượng/năm	2
d)	Đối với cơ sở trợ giúp xã hội có nhiệm vụ phục hồi chức năng thì phải có trang thiết bị phục hồi chức năng	Bộ/cơ sở	1
đ)	Điều trị thông thường phù hợp độ tuổi, giới tính, bệnh tật của đối tượng (nếu có)	Lượt điều trị	Hàng ngày
	Thẻ BHYT	Thẻ/đối tượng	1

6	Tư vấn, trợ giúp đối tượng trở về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ tư vấn, trợ giúp khi đối tượng kết thúc lượt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lượt/đối tượng	1
7	Văn phòng phẩm		
-	Giấy A4	Gram/10 đối tượng /6 tháng	1
-	Bút bi	Cái/10 đối tượng/tháng	1
-	Ghim dập 24 x 6	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim dập bé	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim vòng	Hộp/10 đối tượng/tháng	1
-	Máy dập ghim nhỏ	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Máy in	Cái/20 đối tượng/5 năm	1
-	Mực in	Hộp mực/10 đối tượng/năm	1
-	Cartridge mực	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Sổ ghi chép	Quyển/10 đối tượng/năm	1
-	Hồ dán	Lọ/10 đối tượng/3 tháng	1
-	Kẹp file hồ sơ đối tượng	Cái/10 đối tượng/năm	1
8	Điện, nước, xử lý chất thải		
-	Điện	Kwh/5 đối tượng/tháng	300
-	Nước sạch	m ³ /5 đối tượng/tháng	10
-	Xử lý rác thải	Kg/đối tượng/tháng	2
-	Chi phí giặt, hấp và khử khuẩn quần áo, khử khuẩn máy, rác thải, chất thải	Ca	1
-	Phun diệt côn trùng	Lần/năm	2
II	Chi phí tiền lương		
1	Định mức nhân công		
a)	Nhân viên tâm lý, tư vấn, tham vấn	Nhân viên/cơ sở	1
b)	Nhân viên chăm sóc trực tiếp người tâm thần nặng	Nhân viên/15 đối tượng	1
c)	Cán bộ, nhân viên y tế phụ trách chăm sóc sức khỏe cho đối tượng	Nhân viên/50 đối tượng	1

d)	Cán bộ phụ trách dinh dưỡng bao gồm tiếp phẩm, nấu ăn	Nhân viên/20 đối tượng	1
đ)	Cán bộ nhân viên làm công tác phục hồi chức năng	Nhân viên/7 đối tượng	1
2	Định mức hệ số lương, phụ cấp chức vụ bình quân		
-	Hệ số lương, phụ cấp chức vụ		3.5
-	Phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 4/7/2011 của Chính phủ; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ; Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 6/4/2016 của Chính phủ		1.96
-	Phụ cấp khu vực		0,3
-	Phụ cấp độc hại bình quân		0,2
-	Phụ cấp trực	Ngày	365
III	Chi phí quản lý		
-	Cán bộ, nhân viên làm gián tiếp (kế toán, hành chính - tổng hợp, quản trị, thủ quỹ, văn thư, lái xe, bảo vệ)	Cán bộ, nhân viên gián tiếp/ tổng số cán bộ, nhân viên cơ sở	20% số cán bộ, nhân viên
-	Cán bộ quản lý (Ban giám đốc, trưởng phòng, phó phòng)	Cán bộ, nhân viên	Số lượng theo thực tế
IV	Chi phí khấu hao tài sản cố định		
-	Chi phí khấu hao tài sản cố định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về khấu hao tài sản cố định		
-	Cung cấp chỗ ở: Thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội		

XV. NGƯỜI TÂM THẦN ĐẶC BIỆT NẶNG

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng định mức
I	Chi phí trực tiếp		
1	Thức ăn, quần áo và các vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
a)	Thực phẩm, thức ăn hàng ngày		

-	Ít nhất ba bữa ăn: Sáng, trưa và tối mỗi ngày; đảm bảo dinh dưỡng đủ calo, có chất đạm	KL/đối tượng/ngày	2.000
		Bữa/ngày	3
-	Chế độ dinh dưỡng đặc biệt cho đối tượng có nhu cầu đặc biệt như trẻ sơ sinh, trẻ khuyết tật, trẻ nhiễm HIV, trẻ bị ốm hoặc suy dinh dưỡng và người cao tuổi	KL/đối tượng/ngày	2000
-	Chế độ ăn ngày lễ, tết Dương lịch	Ngày/đối tượng	6
-	Chế độ ăn ngày tết Nguyên đán	Ngày/đối tượng	5
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ nấu ăn	Bộ/cơ sở	1
b)	Quần áo		
-	Quần áo lót	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Quần áo mùa đông	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Quần áo mùa hè	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Dép và tất	Bộ/đối tượng/năm	2
-	Giày	Đôi/đối tượng/năm	1
c)	Vệ sinh và vật dụng thiết yếu phục vụ sinh hoạt		
-	Cung cấp đầy đủ nước uống sạch	Lít/đối tượng/ngày	2
-	Cung cấp nước bảo đảm vệ sinh tắm, giặt hàng ngày	Lít/đối tượng/ngày	20
-	Cung cấp đồ dùng vệ sinh cá nhân gồm: Xà phòng tắm, xà phòng giặt, khăn mặt, khăn tắm, kem đánh răng, bàn chải đánh răng, dầu gội, tắm bông ngoáy tai.	Bộ/đối tượng/quý	1
	Giấy vệ sinh	Bịch/đối tượng/quý	1,5
	Máy sấy tóc, tông đơ	Cái/10 đối tượng/năm	1
	Bấm móng tay	Cái/đối tượng/năm	1
	Lược nhựa loại to	Cái/5 đối tượng/năm	1
-	Công cụ, dụng cụ phục vụ vệ sinh phòng ở gồm: Cây lau nhà, chổi quét nhà, chổi nhựa, bàn chải, bàn chải cọ bồn cầu, chậu giặt, gáo múc nước, nước lau sàn, nước tẩy bồn cầu.		

	Cây lau nhà, chổi quét nhà, chổi nhựa, bàn chải, bàn chải cọ bồn cầu, chậu giặt, gáo múc nước...	Cái/3 đối tượng/năm	1
	Nước lau sàn	Chai/2 đối tượng/năm	1
	Nước tẩy bồn cầu	Chai/đối tượng/năm	1
	Cốc nhựa	Cái/đối tượng/năm	1
-	Bông, băng vệ sinh phụ nữ	Bộ/đối tượng phụ nữ/tháng	1
d)	Cung cấp đồ dùng phục vụ việc ngủ gồm:		
-	Gối, màn, chiếu	Bộ/đối tượng/năm	1
-	Đệm, chăn đông	Bộ/đối tượng/3năm	1
	Ga vải, ga chống thấm	Bộ/đối tượng/năm	1
	Chăn hè	Cái/đối tượng/3năm	1
-	Giường nằm	Chiếc/đối tượng/5năm	1
2	Hỗ trợ đối tượng về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ khi đối tượng kết thúc lượt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lần/lượt đối tượng	1
3	Vật lý trị liệu, lao động trị liệu, phục hồi chức năng cho đối tượng có nhu cầu	Lượt/đối tượng/ngày	1
4	Văn hóa, thể thao và giải trí		
-	Về thể thao, vui chơi, giải trí		
	Tham gia các sự kiện, hoạt động thể thao (phù hợp với lứa tuổi và điều kiện sức khỏe)	Lượt/đối tượng/tuần	1
5	Chăm sóc Y tế		
a)	Trang thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp, thuốc bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu khi cần thiết	Bộ/cơ sở	1
b)	Sở theo dõi sức khỏe	Sở/đối tượng/năm	1
c)	Kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng và hàng năm cho đối tượng	Lượt/đối tượng/năm	2
d)	Đối với cơ sở trợ giúp xã hội có nhiệm vụ phục hồi chức năng thì phải có trang thiết bị phục hồi chức năng	Bộ/cơ sở	1

d)	Điều trị thông thường phù hợp độ tuổi, giới tính, bệnh tật của đối tượng (nếu có)	Lượt điều trị	Hàng ngày
e)	Thẻ BHYT	Thẻ/đối tượng	1
6	Tư vấn, trợ giúp đối tượng trở về gia đình, cộng đồng (Chỉ hỗ trợ tư vấn, trợ giúp khi đối tượng kết thúc lượt nuôi dưỡng tại cơ sở trở về gia đình, cộng đồng)	Lượt/đối tượng	1
7	Văn phòng phẩm		
-	Giấy A4	Gram/10 đối tượng /6 tháng	1
-	Bút bi	Cái/10 đối tượng/tháng	1
-	Ghim dập 24 x 6	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim dập bé	Hộp/10 đối tượng/năm	1
-	Ghim vòng	Hộp/10 đối tượng/tháng	1
-	Máy dập ghim nhỏ	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Máy in	Cái/20 đối tượng/5 năm	1
-	Mực in	Hộp mực/10 đối tượng/năm	1
-	Cartridge mực	Cái/10 đối tượng/năm	1
-	Sổ ghi chép	Quyển/10 đối tượng/năm	1
-	Hồ dán	Lọ/10 đối tượng/3 tháng	1
-	Kẹp file hồ sơ đối tượng	Cái/10 đối tượng/năm	1
8	Điện, nước, xử lý chất thải		
-	Điện	Kwh/5 đối tượng/tháng	300
-	Nước	m3/5 đối tượng/tháng	10
-	Xử lý rác thải	Kg/đối tượng/tháng	2
-	Chi phí giặt, hấp và khử khuẩn quần áo, khử khuẩn máy, rác thải, chất thải	Ca	1
-	Phun diệt côn trùng	Lần/năm	2
II	Chi phí tiền lương		

1	Định mức nhân công		
a)	Nhân viên tâm lý, tư vấn, tham vấn	Nhân viên/cơ sở	1
b)	Nhân viên chăm sóc trực tiếp người tâm thần đặc biệt nặng	Nhân viên/10 đối tượng	1
c)	Cán bộ, nhân viên y tế phụ trách chăm sóc sức khỏe cho đối tượng	Nhân viên/50 đối tượng	1
d)	Cán bộ phụ trách dinh dưỡng bao gồm tiếp phẩm, nấu ăn	Nhân viên/20 đối tượng	1
đ)	Cán bộ nhân viên làm công tác phục hồi chức năng	Nhân viên/7 đối tượng	1
2	Định mức hệ số lương, phụ cấp chức vụ bình quân		
-	Hệ số lương, phụ cấp chức vụ		3.5
-	Phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 4/7/2011 của Chính phủ; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ; Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 6/4/2016 của Chính phủ		1.96
-	Phụ cấp khu vực		0,3
-	Phụ cấp độc hại bình quân		0,2
-	Phụ cấp trực	Ngày	365
III	Chi phí quản lý		
-	Cán bộ, nhân viên làm gián tiếp (kế toán, hành chính - tổng hợp, quản trị, thủ quỹ, văn thư, lái xe, bảo vệ)	Cán bộ, nhân viên gián tiếp/ tổng số cán bộ, nhân viên cơ sở	20% số cán bộ, nhân viên
-	Cán bộ quản lý (Ban giám đốc, trưởng phòng, phó phòng)	Cán bộ, nhân viên	Số lượng theo thực tế
IV	Chi phí khấu hao tài sản cố định		
-	Chi phí khấu hao tài sản cố định: Thực hiện theo quy định của pháp luật về khấu hao tài sản cố định		
-	Cung cấp chỗ ở: Thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội		